

Số: 36/DDN-CNAG

V/v đề nghị cấp giấy phép môi trường của
cơ sở "Cửa hàng xăng dầu số 55"

An Giang, ngày 25 tháng 06 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Chợ Mới

1. Chúng tôi là: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông tại An Giang là chủ đầu tư cơ sở "Cửa hàng xăng dầu số 55" thuộc khoản 2, Điều 39 của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

Căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ sở "Cửa hàng xăng dầu số 55" thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới.

2. Địa chỉ trụ sở chính của Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông tại An Giang: Số 222 Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

3. Địa điểm thực hiện cơ sở: ấp Hòa Thượng, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh với mã số chi nhánh 1800277683-002, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 08 năm 2003. Đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 04 tháng 03 năm 2022 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Ông Phạm Hoàng Thọ;

Chức vụ: Giám đốc chi nhánh

- Điện thoại: 0296.3924222;

5. Người liên hệ trong quá trình tiến hành thủ tục:

- Ông: Đặng thanh Thảo ; Chức vụ: Chuyên viên;

- Điện thoại: 0372037027; E-mail:

Chúng tôi xin gửi đến Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Chợ Mới hồ sơ gồm:

- 01 bản Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Cửa hàng xăng dầu số 55".

- 01 Giấy xác nhận Đề án bảo vệ môi trường đơn giản của cơ sở.

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Chợ Mới tham mưu xem xét và trình Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới xem xét, cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Cửa hàng xăng dầu số 55" /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MÊ KÔNG TẠI AN GIANG

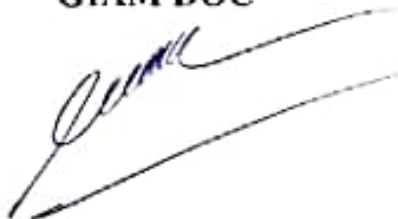
-----o0o-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP
GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở
CỬA HÀNG XĂNG DẦU 55**

Chợ Mới, Tháng 06 năm 2024

**BÁO CÁO DỀ XUẤT CẤP
GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở
CỬA HÀNG XĂNG DẦU 55**

**CHỦ DỰ ÁN
GIÁM ĐỐC**



PHẠM HOÀNG THƠ

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN
GIÁM ĐỐC**



LÊ CHÍ LINH

Chợ Mới, Tháng 06 năm 2024

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| MỤC LỤC | i |
| DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT | iv |
| DANH MỤC CÁC BẢNG | v |
| DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ | vi |
| CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ..... | 1 |
| 2. Tên cơ sở | 1 |
| 2.1. Tên cơ sở: | 1 |
| 2.2. Địa điểm: | 1 |
| 2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường thành phần:..... | 3 |
| 2.4. Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)..... | 3 |
| 3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở | 3 |
| 3.1. Công suất hoạt động của cơ sở | 3 |
| 3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở | 6 |
| 3.2.1. Quy trình hoạt động kinh doanh của cơ sở..... | 6 |
| 3.2.2. Quy trình nhập hàng tại cơ sở..... | 7 |
| 3.2.3. Quy trình xuất hàng tại cơ sở | 7 |
| 3.3. Sản phẩm của cơ sở | 8 |
| 4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở | 8 |
| 4.1. Nhu cầu về nguyên liệu, nhiên liệu | 8 |
| 4.2. Nhu cầu về điện năng | 8 |
| 4.3. Nhu cầu sử dụng thiết bị, máy móc | 8 |
| 4.4. Nhu cầu sử dụng nước..... | 8 |
| 5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có): - | 9 |
| CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG | 10 |
| 1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có): | 10 |

| | |
|---|-----------|
| 2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường | 10 |
| CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ | 12 |
| 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải..... | 12 |
| 1.1. Thu gom, thoát nước mưa..... | 12 |
| 1.2. Thu gom, thoát nước thải | 12 |
| 1.3. Xử lý nước thải..... | 15 |
| 1.3.1 Hầm tự hoại | 15 |
| 1.3.2. Bể gạn dầu | 16 |
| 2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải | 17 |
| 2.1. Nguồn phát sinh..... | 17 |
| 2.2. Lưu lượng | 17 |
| 2.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm..... | 18 |
| 2.3.1. Đối với hơi nhiên liệu xăng dầu | 18 |
| 2.3.2 Đối với bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông | 19 |
| 3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường | 19 |
| 4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại..... | 20 |
| 5. Công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung | 21 |
| 6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường | 21 |
| 6.1. Sự cố cháy nổ | 21 |
| 6.2. Sự cố tràn xăng dầu | 22 |
| 7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có): - | 22 |
| CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG..... | 23 |
| 1. Đề nghị cấp phép đối với nước thải..... | 23 |
| 2. Đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung | 24 |
| CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ..... | 25 |
| 1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải | 25 |
| 2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải | 25 |
| CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ..... | 27 |
| 1. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục, định kỳ) theo quy định của pháp | |

| | |
|--|----|
| luật | 27 |
| 1.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ..... | 27 |
| 1.2. Chương trình quan trắc chất thải tự động, liên tục | 27 |
| 2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm..... | 28 |
| CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ | 29 |
| CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ..... | 30 |
| PHỤ LỤC | 31 |

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

| | |
|-------|-----------------------------|
| BOD | Nhu cầu oxy sinh hóa |
| BXD | Bộ xây dựng |
| BTNMT | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| COD | Nhu cầu oxy hóa học |
| CTNH | Chất thải nguy hại |
| HTXL | Hệ thống xử lý |
| PCCC | Phòng cháy chữa cháy |
| QCVN | Quy chuẩn Việt Nam |
| TSS | Tổng chất rắn lơ lửng |
| UBND | Ủy ban Nhân dân |
| XLNT | Xử lý nước thải |

DANH MỤC CÁC BẢNG

| | |
|---|----|
| Bảng 1.1. Tọa độ vị trí cơ sở | 2 |
| Bảng 1.2. Sản lượng bình quân CHXD năm 2023 | 4 |
| Bảng 1.3. Tổng hợp trang thiết bị, máy móc trong giai đoạn hoạt động của cơ sở..... | 8 |
| Bảng 2.1. Thông số giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải | 11 |
| Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của mạng lưới thu gom, thoát nước thải | 14 |
| Bảng 3.2. Tải lượng chất ô nhiễm không khí trong khí thải xe gắn máy 2 bánh | 17 |
| Bảng 3.3. Nồng độ khí thải do xe hai bánh phát ra | 18 |
| Bảng 3.4. Thành phần khí thải của các phương tiện xe tải, xe xitec, xe ô tô | 18 |
| Bảng 3.5. Thống kê nhóm CTNH tại cơ sở năm 2023 | 20 |
| Bảng 4.1. Thông số và giới hạn nồng độ ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt | 23 |
| Bảng 4.2. Thông số và giới hạn nồng độ ô nhiễm trong nước mưa nhiễm xăng dầu ... | 24 |
| Bảng 4.3. Giá trị tối đa cho phép tiếng ồn..... | 24 |
| Bảng 5.1. Kết quả quan trắc môi trường nước thải năm 2023 | 25 |
| Bảng 5.2 Kết quả quan trắc không khí tại khu vực bồn chứa trong năm 2023 | 25 |

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

| | |
|--|----|
| Hình 1.1. Vị trí cơ sở trên bản đồ vệ tinh..... | 2 |
| Hình 1.2. Nhà che trụ bơm xăng dầu..... | 4 |
| Hình 1.3. Văn phòng làm việc, nhà nghỉ CBCNV | 5 |
| Hình 1.4. Khu vực bồn chứa xăng dầu | 5 |
| Hình 1.5. Quy trình hoạt động của cơ sở..... | 6 |
| Hình 1.6. Quy trình nhập xăng dầu tại cơ sở..... | 7 |
| Hình 1.7. Quy trình xuất hàng tại cơ sở | 7 |
| Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, xử lý và thoát nước chung của dự án..... | 12 |
| Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa | 12 |
| Hình 3.3. Rãnh thu gom nước | 13 |
| Hình 3.4. Mạng lưới thu gom, thoát nước thải của cơ sở..... | 14 |
| Hình 3.5. Sơ đồ cấu tạo hầm tự hoại 3 ngăn | 15 |
| Hình 3.6. Sơ đồ quy trình xử lý nước nhiễm xăng dầu tại cơ sở..... | 16 |
| Hình 3.7. Sơ đồ cấu tạo bể gạn dầu | 16 |
| Hình 3.8. Sơ đồ thu gom chất thải rắn tại cơ sở | 19 |
| Hình 3.9. Sơ đồ thu gom chất thải rắn tại cơ sở | 20 |

CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông tại An Giang
- Địa chỉ: Số 222 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Phạm Hoàng Thơ
- Chức vụ: Giám đốc chi nhánh
- Điện thoại: 0296.3924222 - Email: angiang.pm@gmail.com
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh với mã số chi nhánh 1800277683-002, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 08 năm 2003. Đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 04 tháng 03 năm 2022 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

2. Tên cơ sở

2.1. Tên cơ sở:

Tên cơ sở: **CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 55**

2.2. Địa điểm:

- Địa điểm cơ sở: ấp Hòa Thượng, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang có tứ cận tiếp giáp như sau:

- + Phía Bắc (sau cửa hàng): Giáp mương thoát nước.
- + Phía Nam (trước cửa hàng): Giáp tỉnh lộ 942.
- + Phía Tây (bên trái cửa hàng): Giáp nhà dân.
- + Phía Đông (bên phải cửa hàng): Giáp nhà dân.

- Các đối tượng tự nhiên: cơ sở có diện tích 1.214,5 m², có hạ tầng giao thông hoàn chỉnh, cơ sở tiếp giáp với quốc lộ 942 thuận tiện cho hoạt động kinh doanh của cơ sở.

- Các đối tượng kinh tế - xã hội: Cơ sở đặt trên địa bàn có mật độ dân cư tương đối đông đúc. Theo khảo sát trong phạm vi bán kính khoảng 2km là Cơ Sở Gia Công Cửa Sắt Inox Bảy Trà (12m), Vựa phế liệu - Chợ Mới (156m), Trạm xe Buýt phà Thuận Giang (415m), Bến phà Thuận Giang (486m), Sông Vàm Nao (580m),... khu vực xung quanh chủ yếu là nhà dân và các cơ sở dịch vụ ăn uống, phòng khám tư nhân, bến xe, bệnh viện và cơ quan hành chính tại địa phương.

- Vị trí cơ sở như sau:



Hình 1.1. Vị trí cơ sở trên bản đồ vệ tinh

Tọa độ giáp ranh cơ sở được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1.1. Tọa độ vị trí cơ sở

| Điểm tọa độ | Tọa độ VN 2000 (m) (Kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°) | |
|-------------|--|---------|
| | X | Y |
| A | 1168788 | 0567614 |
| B | 1168798 | 0567611 |
| C | 1168816 | 0567633 |
| D | 1168817 | 0567638 |
| E | 1168819 | 0567636 |
| F | 1168837 | 0567661 |
| G | 1168826 | 0567670 |
| H | 1168819 | 0567662 |
| I | 1168820 | 0567661 |
| K | 1168817 | 0567656 |
| L | 1168816 | 0567656 |
| M | 1168810 | 0567650 |
| N | 1168797 | 0567659 |

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2023)

2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường thành phần:

Giấy xác nhận số 13/XN-UBND ngày 04 tháng 07 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới về việc cấp giấy xác nhận đăng ký bản đề án bảo vệ môi trường đơn giản của cửa hàng xăng dầu Kiến An.

Công văn số 580/XN-UBND ngày 20 tháng 08 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới về việc xác nhận lại tên trong Đề án bảo vệ môi trường đơn giản từ tên cũ là Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Kiến An thành tên mới là Cửa hàng kinh doanh xăng dầu số 43.

Công văn số 1610/XN-UBND ngày 18 tháng 09 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới về việc xác nhận lại tên trong Đề án bảo vệ môi trường đơn giản từ tên cũ là Cửa hàng kinh doanh xăng dầu 43 thành tên mới là Cửa hàng kinh doanh xăng dầu số 55.

Giấy chứng nhận số 24/TD-PCCC ngày 20 tháng 01 năm 2012 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh An Giang về việc thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của Cửa hàng xăng, dầu tại ấp Hòa Thượng, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Giấy chứng nhận số 96/ĐK-PCCC ngày 03 tháng 09 năm 2013 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh An Giang về việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy cho cửa hàng kinh doanh xăng dầu số 43 tại ấp Hòa Thượng, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Giấy chứng nhận số 638-0523/GCNĐĐK-SCT ngày 22 tháng 05 năm 2023 của Sở Công Thương về việc cấp giấy chứng nhận Cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

2.4. Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

Cơ sở được xác định thuộc nhóm C theo quy định tại khoản 4, Điều 10 của Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 có tổng mức đầu tư dưới 45 tỷ đồng.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

“Cửa hàng xăng dầu số 55” được xây dựng thửa đất tại ấp Hòa Thượng, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang có tổng diện tích là 1.214,5 m² hoạt động kinh doanh xăng, dầu bao gồm 03 loại chính: Xăng RON 95, xăng E5 RON 92 và dầu DO.

Cơ sở được cấp giấy xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản với tổng sức chứa là 25 m³ (3 bồn). Trong đó: 01 bồn chứa xăng RON 95 với thể tích là 10 m³, 01 bồn chứa xăng E5 RON 92 với thể tích là 05 m³ và 01 bồn chứa dầu DO với thể tích là 10 m³.

Lượng xăng dầu được Cửa hàng bán ra trung bình tháng như sau:

Bảng 1.2. Sản lượng bình quân CHXD năm 2023

| STT | Mặt hàng | Đơn vị tính | Số lượng |
|-------------|---------------------|----------------------------|-----------|
| 1 | Xăng RON 95 | m ³ /tháng | 25 |
| 2 | Xăng E5 RON 92 | m ³ /tháng | 20 |
| 3 | Dầu diesel (dầu DO) | m ³ /tháng | 25 |
| Tổng | | m³/tháng | 70 |

(Nguồn: Chủ cơ sở, năm 2024)

* Quy mô các hạng mục công trình liên quan đến hoạt động kinh doanh của cơ sở

Cửa hàng xăng dầu số 55 được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích là 1.214,5 m² với các hạng mục như sau:

- Nhà mái che trụ bơm: diện tích 120 m², kiến trúc xây dựng 01 tầng kết cấu cột, mái tôn cột bê tông. Tại đây lắp đặt 03 trụ bơm điện tử (03 trụ bơm đơn).



Hình 1.2. Nhà che trụ bơm xăng dầu

- Nhà giao dịch bán hàng và phòng nghỉ: Nhà trệt, có kết cấu khung bê tông, tường gạch, mái lợp tôn, có diện tích 40 m².



Hình 1.3. Văn phòng làm việc, nhà nghỉ CBCNV

- Diện tích khu vực bồn chứa có diện tích 45 m². Khu vực này có 3 bồn chứa xăng dầu với tổng dung tích 03 bồn là 25 m³, các bồn được xây chìm.

+ Bồn chứa xăng dầu được chôn ngầm dưới mặt đất, cấu tạo từ thép không gỉ TC3, bồn chứa có áp suất thiết kế 0.3kg/m², thành bồn chứa được bảo vệ bởi lớp sơn chống gỉ, nhựa đường và lớp lưới thủy tinh. Nền móng bồn được gia cố theo phương pháp BTCT.

+ Bên trong bồn: sơn toàn bộ đáy với 02 lớp sơn epoxy với chiều dày tổng cộng 330 micromet.



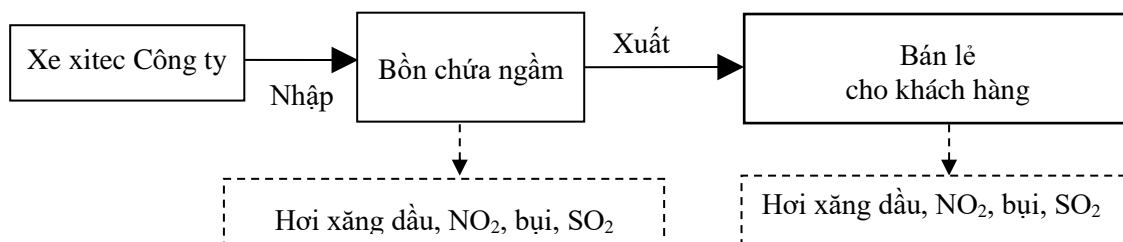
Hình 1.4. Khu vực bồn chứa xăng dầu

- Hệ thống công trình thu gom và xử lý nước thải:
 - + Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn với thể tích 6,2 m³.
 - + Nước mưa nhiễm dầu được xử lý bằng bể gạn dầu với thể tích 3,8 m³.
- Kho chứa chất thải nguy hại (CTNH):
 - + Kho lưu giữ (CTNH) được đặt cạnh khu vực nhà vệ sinh với diện tích 16,4 m².
 - + Móng cột, đà kiềng bằng bê tông cốt thép mác 200.
 - + Cột, vì kèo, xà gồ bằng thép hình.
 - + Nền nhà bằng bê tông đá 1x2, dày 150mm mác 200.
 - + Toàn bộ chất thải nguy hại được giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.
- Khu vực trạm sạc xe điện Vinfast với diện tích 123 m² nằm phía bên trái cửa hàng, nền được bê tông hóa.
- Công trình phụ trợ gồm sân đường nội bộ, khu vệ sinh chung, nhà kho...
- Các công trình của Cửa hàng kinh doanh xăng dầu số 55 được thiết kế xây dựng đúng theo tiêu chuẩn kỹ thuật.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

3.2.1. Quy trình hoạt động kinh doanh của cơ sở

Cơ sở hoạt động với quy trình chung như sau:

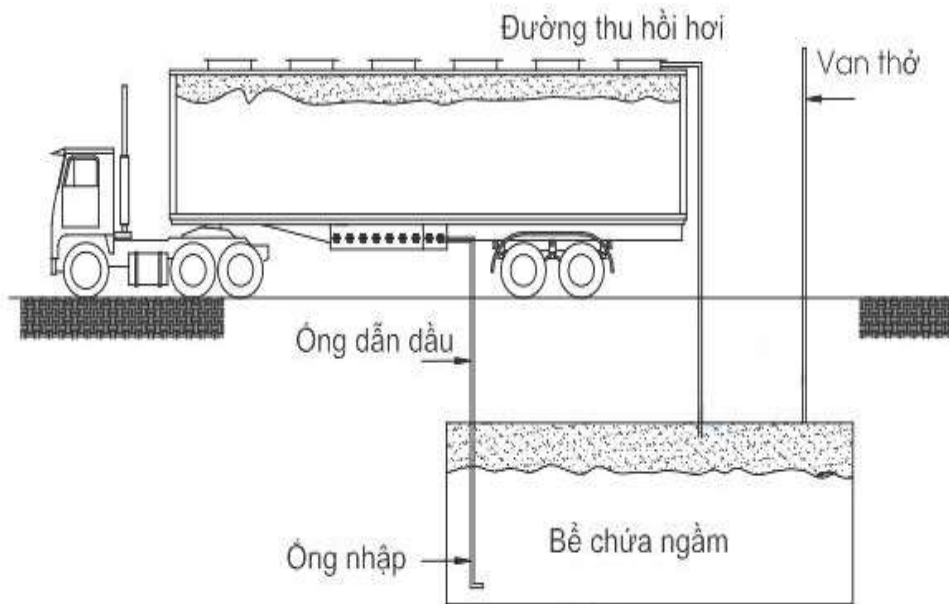


Hình 1.5. Quy trình hoạt động của cơ sở

* **Thuyết minh quy trình:**

Nhiên liệu được nhập về dự án bằng những xe xitec chuyên dụng, phương pháp tự chảy từ ô tô Xitec qua họng nhập kín về bồn chứa, mỗi loại nhiên liệu một họng nhập riêng biệt, bồn chứa được đặt ngầm. Mỗi loại xăng, dầu được chứa trong từng bồn riêng biệt và được nối với các trụ bơm riêng biệt bằng hệ thống đường ống. Trụ bơm thực hiện bơm định lượng xăng dầu cho các xe cơ giới hoặc bán lẻ cho các phương tiện thông qua các cột bơm điện tử.

3.2.2. Quy trình nhập hàng tại cơ sở

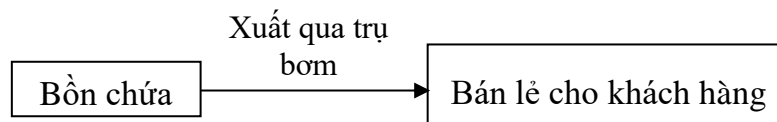


Hình 1.6. Quy trình nhập xăng dầu tại cơ sở

* Thuyết minh quy trình

Xăng, dầu được chở bằng xe xitec chuyên dụng, sau đó được nhập vào bồn chứa ngầm theo nguyên lý thu hồi hơi. Cụ thể như sau: Khi xe xitec vào vị trí để nhập hàng, dùng ống mềm nối vào vị trí họng chờ hơi thu hồi của xe xitec và họng chờ hơi phát sinh tại bồn chứa. Trong quá trình nhập hàng, xăng dầu được dẫn theo ống mềm từ xitec vào bồn ngầm của cửa hàng và lấp đầy thể tích trống theo quy định của bồn chứa, đồng thời đẩy hơi xăng dầu từ bồn chứa thoát ra theo đường ống van thở. Nhờ việc điều chỉnh áp lực dương của van thở bồn mà hơi xăng dầu sẽ theo đường ống thu hồi hơi quay trở lại xe xitec và không phát thải ra ngoài qua van thở bồn. Xăng dầu được nhập theo phương pháp nhập kín.

3.2.3. Quy trình xuất hàng tại cơ sở



Hình 1.7. Quy trình xuất hàng tại cơ sở

* Thuyết minh quy trình

Xăng, dầu được xuất bán cho khách hàng tại các trụ bơm chuyên dụng thông qua đường ống xuất xăng dầu bằng kẽm đi ngầm trong rãnh công nghệ, chôn dưới đất. Cột bơm thực hiện bơm định lượng xăng dầu cho các xe cơ giới hoặc bán lẻ cho các phương tiện thông qua các trụ bơm điện tử. Cột bơm xăng có $Q=40$ L/ph, cột bơm dầu có $Q=70$ L/ph.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Cơ sở kinh doanh xăng dầu với 03 loại chính: Xăng RON 95, xăng E5 RON 92 và dầu DO với tổng lượng xăng, dầu bán ra khoảng 70 m³/tháng.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nhu cầu về nguyên liệu, nhiên liệu

Nhiên liệu sử dụng trong quá trình hoạt động của dự án chủ yếu là: Xăng RON 95, xăng E5 RON 92 và dầu DO. Công suất tiêu thụ hàng tháng ước tính khoảng 25 m³ xăng RON 95/tháng; 20 m³ xăng E5 RON 92/tháng; 25 m³ dầu DO/tháng. Tuy nhiên, khối lượng nhập còn tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng nhiên liệu của các phương tiện giao thông đến cơ sở.

Tần suất nhập hàng: khoảng 2-3 ngày/chuyến.

4.2. Nhu cầu về điện năng

Hầu hết các hoạt động tại dự án đều sử dụng nguồn năng lượng điện, điện năng lấy từ lưới điện quốc gia. Lượng điện năng tiêu thụ hàng tháng của dự án vào khoảng 400-500KWh/tháng (căn cứ điện năng tiêu thụ tại cửa hàng).

4.3. Nhu cầu sử dụng thiết bị, máy móc

Danh mục trang thiết bị, máy móc vận hành trong giai đoạn hoạt động của cơ sở:

Bảng 1.3. Tổng hợp trang thiết bị, máy móc trong giai đoạn hoạt động của cơ sở

| TT | Hạng mục | ĐVT | Số lượng | Hiện trạng |
|----|--------------------|---------|----------|------------|
| 1 | Cột bơm điện tử | Trụ bơm | 03 | 80% |
| 2 | Bồn chứa xăng, dầu | Bồn | 03 | 80% |
| 3 | Bình chữa cháy | Bình | 15 | 80% |

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2023)

Ngoài ra, còn có các thiết bị khác như: đèn, quạt, camera, máy bơm nước cấp và nước chữa cháy, thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu (giấy thấm dầu, phao vây thấm dầu,...).

4.4. Nhu cầu sử dụng nước

- Nguồn cấp nước cho hoạt động của cơ sở: Xí nghiệp điện nước huyện Chợ Mới cấp.

- Nhu cầu sử dụng nước: Nhu cầu dùng nước thường xuyên tại dự án chủ yếu cho mục đích sinh hoạt cá nhân. Theo QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng về quy hoạch xây dựng thì nhu cầu cấp nước sinh hoạt cho khu vực ước tính khoảng 80 lít/người/ngày đêm, nhân viên làm việc thường trực tại dự án là 07 người. Do đó, nhu cầu sử dụng nước

sinh hoạt được tính toán như sau:

$$5 \text{ người} * 80 \text{ lít/người/ngày đêm} = 400 \text{ lít/ngày đêm} = 0,4 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}.$$

Căn cứ vào quá trình hoạt động trực tiếp tại cửa hàng lượng nước tiêu thụ bình quân khoảng 12 m³/tháng.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có): -

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Giấy xác nhận số 13/XN-UBND ngày 04 tháng 07 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới về việc cấp giấy xác nhận đăng ký bản đề án bảo vệ môi trường đơn giản của cửa hàng xăng dầu Kiến An.

Công văn số 580/XN-UBND ngày 20 tháng 08 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới về việc xác nhận lại tên trong Đề án bảo vệ môi trường đơn giản từ tên cũ là Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Kiến An thành tên mới là Cửa hàng kinh doanh xăng dầu số 43.

Công văn số 1610/XN-UBND ngày 18 tháng 09 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới về việc xác nhận lại tên trong Đề án bảo vệ môi trường đơn giản từ tên cũ là Cửa hàng kinh doanh xăng dầu 43 thành tên mới là Cửa hàng kinh doanh xăng dầu số 55.

Giấy chứng nhận số 638-0523/GCNĐDK-SCT ngày 22 tháng 05 năm 2023 của Sở Công Thương về việc cấp giấy chứng nhận Cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

Cơ sở lựa chọn địa điểm phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội khu vực, khu vực đã được đầu tư cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh về hệ thống cấp điện, nước, thông tin liên lạc, thoát nước... Hệ thống giao thông thuận lợi, khu dân cư đông đúc cũng là đặc điểm thuận lợi cho quá trình hoạt động của cơ sở.

Loại hình hoạt động của cơ sở chủ yếu là buôn bán, kinh doanh xăng dầu tạo điều kiện thuận lợi phục vụ người dân trong và ngoài khu vực. Ngoài ra, khi cơ sở hoạt động sẽ tạo ra lợi ích về kinh tế và xã hội: đóng góp vào phát triển kinh tế cho thành phố Long Xuyên nói riêng và tỉnh An Giang nói chung. Từ những đặc điểm đó cho thấy, cơ sở được xây dựng tại địa điểm trên là hoàn toàn phù hợp.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Hoạt động của cơ sở là hoạt động buôn bán, kinh doanh xăng dầu với các nguồn nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom về hầm tự hoại để xử lý, nước thải sau hầm tự hoại được thoát ra mương thoát nước ở phía sau cơ sở.

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực xuất hàng (nước mưa nhiễm xăng dầu) được thu gom bằng đường cống rãnh dẫn nước về bể gạn dầu, sau đó dẫn thoát ra mương thoát nước ở phía sau cơ sở. Nước mưa nhiễm dầu phát sinh tại cơ sở sau khi được xử lý sẽ đảm bảo đạt QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải

của kho và cửa hàng xăng dầu đối với cửa hàng không có dịch vụ rửa xe sẽ được thoát ra mương thoát nước ở phía sau cơ sở theo phương thức tự chảy.

- Thông số giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu đối với cửa hàng không có dịch vụ rửa xe, cụ thể như sau:

Bảng 2.1. Thông số giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải

| STT | Thông số | Đơn vị | Giá trị giới hạn |
|-----|--------------------|--------|------------------|
| 1 | pH | - | 5,5 - 9 |
| 2 | COD | mg/l | 150 |
| 3 | TSS | mg/l | 120 |
| 4 | Tổng dầu mỡ khoáng | mg/l | 30 |

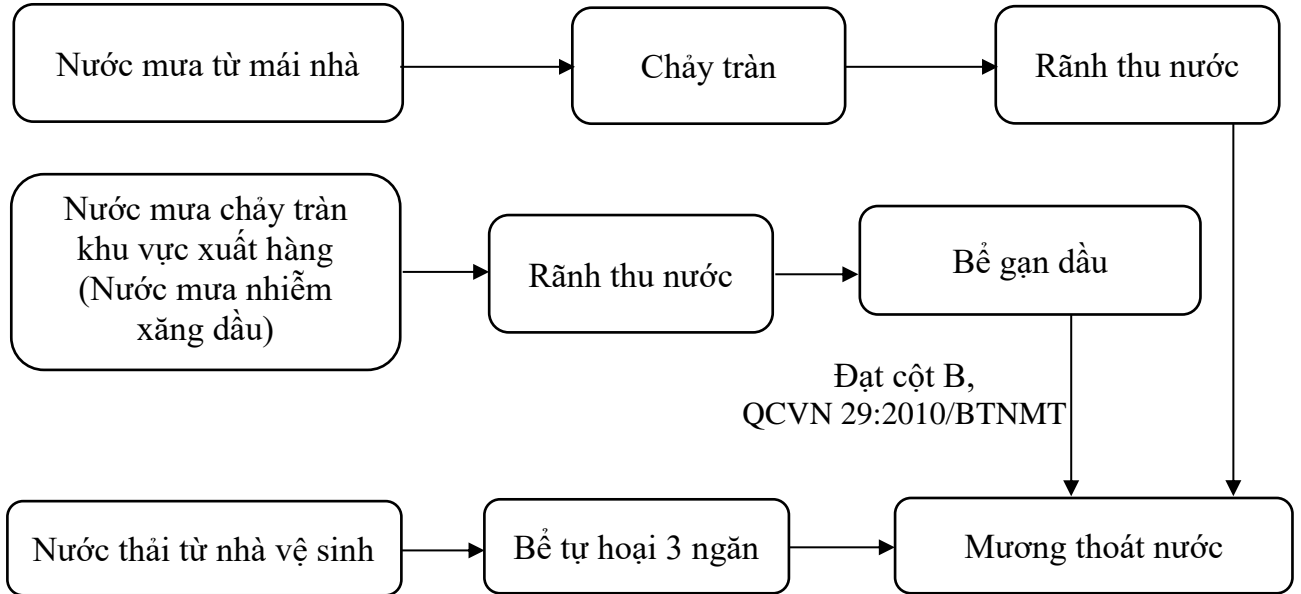
Qua kết quả giám sát hằng năm của “Cửa hàng xăng dầu số 55”, tất cả các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép (*Đính kèm ở Phụ lục Báo cáo*). Vì vậy hoạt động xả nước thải vào nguồn nước là hoàn toàn phù hợp khả năng chịu tải của nguồn nước như đã đánh giá trong quá trình cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của cơ sở.

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, nước mưa nhiễm dầu được xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B) nên ít ảnh hưởng đến các đối tượng dùng gần cơ sở. Mặt khác, nước thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận nên việc xả nước thải vào nguồn nước của cơ sở tác động đến chất lượng nước là không đáng kể và không gây tác động xấu đến hệ sinh thái thủy sinh vật sống trong nguồn nước.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

Sơ đồ thu gom, xử lý và thoát nước chung của cơ sở được thể hiện như sau:

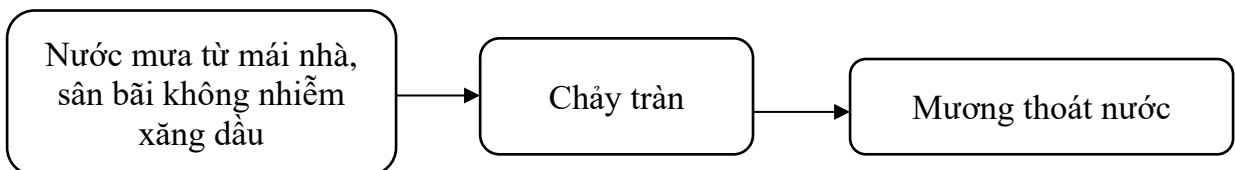


Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, xử lý và thoát nước chung của dự án

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Nước mưa chảy tràn không bị nhiễm xăng dầu: Nước mưa từ mái nhà, sân bãi không bị nhiễm xăng dầu được thu gom về rãnh nước mưa không bị nhiễm xăng dầu và một phần được thấm xuống nền chưa được bê tông hóa, tiếp đó sẽ thoát ra mương thoát nước ở phía sau cơ sở.

Sơ đồ minh họa hệ thống thoát nước mưa của cơ sở:



Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa

1.2. Thu gom, thoát nước thải

* Công trình thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt tại nhà vệ sinh của nhân viên và khách hàng được thu gom

và xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 03 ngăn với tổng thể tích 6,2 m³ (với thông số là 2,4x1,7x1,5m) sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - cột B Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Nước mưa có khả năng nhiễm dầu: Cơ sở xây dựng hệ thống rãnh thu gom tại khu vực xuất hàng và dẫn về bể gạn dầu, nước mưa nhiễm dầu sẽ đi qua tấm lưới bằng sắt, kích thước là 900mmx450mm với tổng chiều dài rãnh thu gom nước là 38 m, bộ phận này có chức năng chính là giữ lại những chất thải có kích thước lớn, giảm tình trạng tắc nghẽn đường ống dẫn nước mưa nhiễm xăng dầu đồng thời giảm tối đa tốc độ từ đường ống vào bể. Tiếp theo nước thải sẽ chảy qua bể gạn dầu, vách ngăn cuối cùng được thiết kế hướng dòng nhằm tạo điều kiện để dầu và nước được phân tách riêng biệt. Nước thải nhiễm dầu sau khi xử lý sẽ thoát ra công thoát nước chung.



Hình 3.3. Rãnh thu gom nước

*** Công trình thoát nước thải:**

Đường ống dẫn nước thải sau bể gạn dầu là PVC Φ90, nước thải sau bể gạn dầu được xử lý đạt cột B, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu QCVN 29:2010/BTNMT (đối với cửa hàng không có dịch vụ rửa xe). Đường ống dẫn nước thải sau hầm tự hoại là ống PVC Φ 90, nước sau xử lý được dẫn từ đầu ra mương thoát nước ở phía sau cơ sở, thoát nước theo phương thức tự chảy.

Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của mạng lưới thu gom, thoát nước thải

| STT | Hạng mục | Số lượng | Thông số kỹ thuật | Chất liệu |
|-----|-------------------------------------|----------|--------------------|-----------|
| 1 | Hầm tự hoại | 01 | 6,2 m ³ | BTCT |
| 2 | Bể gạn dầu | 01 | 3,8 m ³ | BTCT |
| 3 | Rãnh thu gom nước | 01 | 33m | PVC |
| 4 | Đường ống thoát mưa nhiễm dầu | 01 | Φ90, 43m | PVC |
| 5 | Đường ống thoát nước từ hầm tự hoại | 01 | Φ90, 5,2m | PVC |

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2023)

*** Điểm xả nước thải sau xử lý:**

- Vị trí xả thải: nước thải sau bể gạn dầu và hầm tự hoại của cơ sở được thoát vào mương thoát nước ở phía sau cơ sở ấp Hòa Thượng, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104⁰45', múi chiều 3⁰): X =1168822, Y= 0567641.

- Phương thức xả thải: theo phương thức tự chảy.

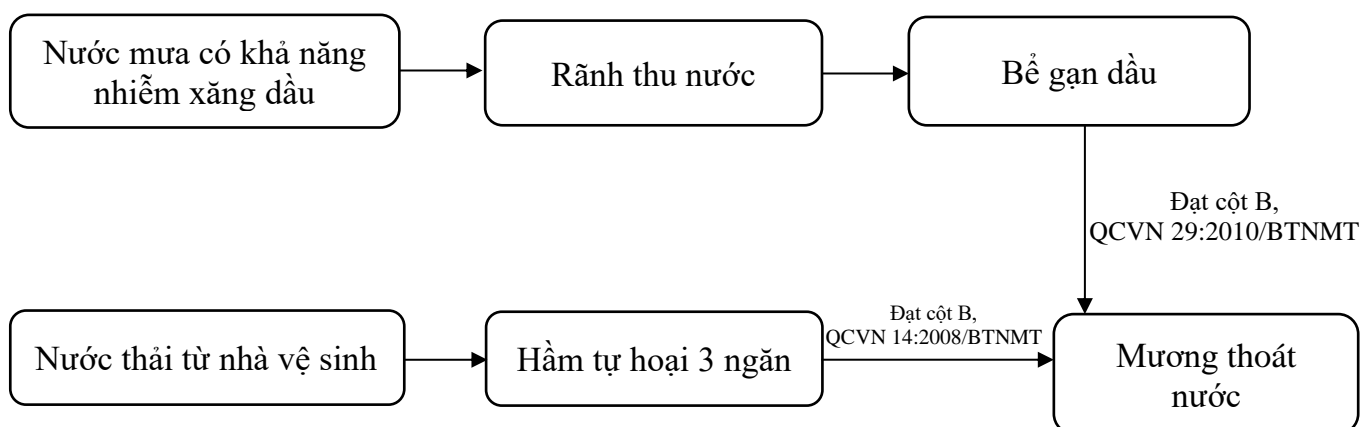
- Chế độ xả thải: liên tục (24 giờ).

- Lưu lượng xả thải lớn nhất: 4 m³/ngày.đêm.

- Nguồn tiếp nhận: mương thoát nước.

*** Sơ đồ minh họa hệ thống thu gom nước thải:**

Mạng lưới thu gom và thoát nước thải của dự án được mô tả tổng quát qua sơ đồ sau:

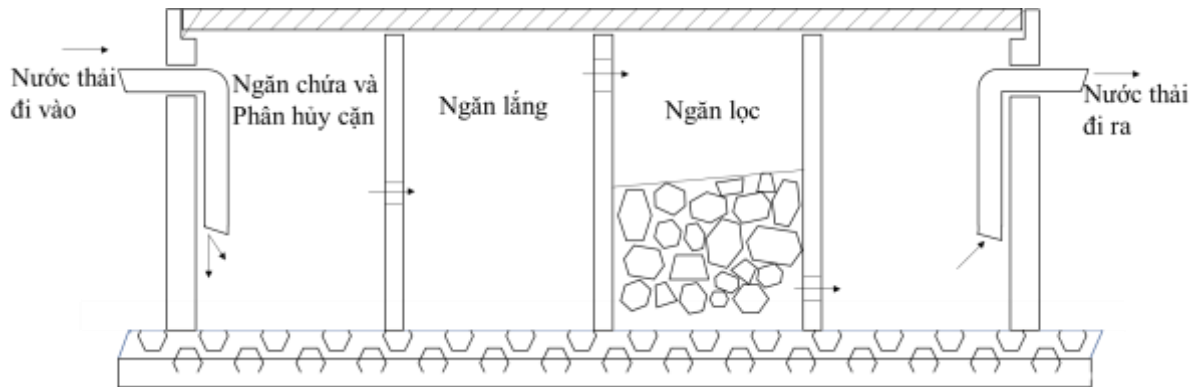


Hình 3.4. Mạng lưới thu gom, thoát nước thải của cơ sở

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1 Hàm tự hoại

Hàm tự hoại tại cơ sở được xây ngầm với thể tích 6,2m³. Hàm tự hoại thực hiện nhiệm vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải của hàm tự hoại 03 ngăn như sau:



Hình 3.5. Sơ đồ cấu tạo hàm tự hoại 3 ngăn

Nước thải sinh hoạt nhà vệ sinh phát sinh được thu gom, xử lý bằng hàm tự hoại 03 ngăn nhằm loại bỏ bớt phân cặn lắng. Hàm tự hoại 3 ngăn là công trình đồng thời làm cả 2 chức năng lắng, phân hủy cặn lắng có hiệu suất xử lý chất ô nhiễm từ 30 – 40% (riêng phân cặn lắng được giữ lại trong bể từ 80 – 85%). Với thời gian từ 3 – 6 tháng dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, chất hữu cơ phân hủy được phân hủy, với một phần tạo thành các chất khí một phần tạo thành chất vô cơ hòa tan.

Thuyết minh quy trình xử lý nước thải sinh hoạt hàm tự hoại 3 ngăn:

Nước thải được thu gom đưa vào ngăn thứ nhất của bể với vai trò làm ngăn lắng, lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong nước thải, nhờ vách ngăn hướng dòng tại ngăn tiếp theo, nước thải tự chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành đáy bể trong điều kiện động, một số chất hữu cơ được sinh vật hấp thụ chuyển hóa đồng thời cho phép tách riêng hai pha.

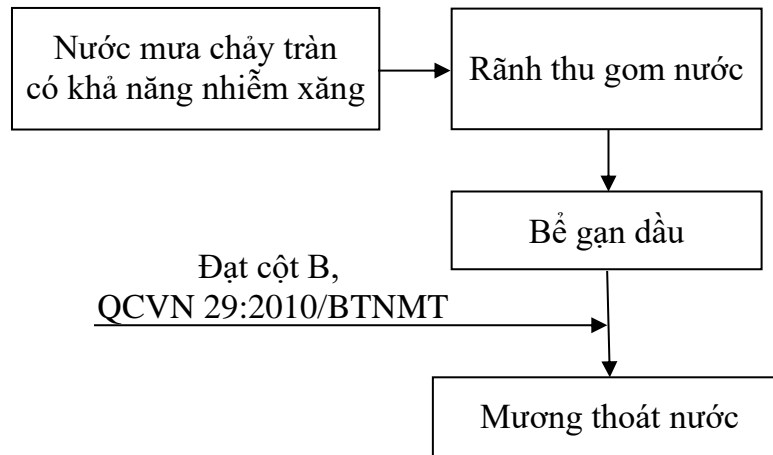
- Ngăn cuối cùng là ngăn lọc kỵ khí, với tác dụng làm sạch bổ sung nước thải nhờ các vi sinh vật kỵ khí, gắn bám trên bề mặt hạt vật liệu lọc. Hiệu suất xử lý các chất hữu cơ từ 40 – 60%.

Nước thải sau hàm tự hoại đạt QCVN 14:2008/BTNMT - cột B Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt được dẫn thoát ra cống thoát nước chung của khu vực, phía trước cơ sở.

1.3.2. Bể gạn dầu

Nước mưa chảy tràn có khả năng nhiễm dầu phát sinh đều được thu gom về đường rãnh dẫn thoát nước tự chảy về bể gạn dầu để giữ lại phần dầu trong nước mưa nhiễm dầu, với phần nước sau quá trình lắng tại bể gạn dầu, đảm bảo thông số ô nhiễm đạt giới hạn cho phép của QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, đối với cửa hàng không có dịch vụ rửa xe) thoát ra công thoát nước phía trước của cơ sở.

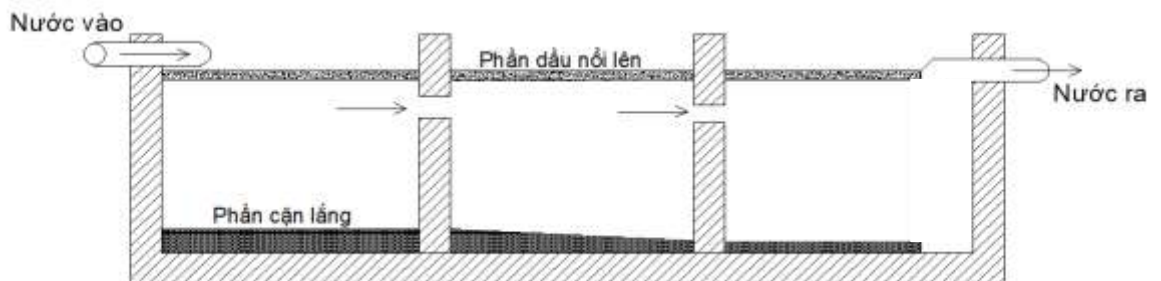
Sơ đồ xử lý nước mưa có khả năng nhiễm xăng dầu từ hoạt động của cơ sở:



Hình 3.6. Sơ đồ quy trình xử lý nước nhiễm xăng dầu tại cơ sở

Thuyết minh quy trình:

Bể gạn dầu là thiết bị xử lý sơ cấp đối với nước bị nhiễm dầu. Bể gạn dầu với cấu tạo gồm 03 ngăn thông với nhau với ngăn thứ nhất dùng để tách rác, lắng cặn và điều chỉnh lưu lượng; ngăn thứ 02 dùng để tách dầu và tiếp tục lắng cặn; ngăn thứ 3 dùng chứa nước sau lắng tách trước khi thoát ra ngoài bể. Lượng cặn phát sinh được lấy ra định kỳ với phương pháp thủ công với tần suất 06 tháng/lần. Bể gạn dầu được áp dụng để tách thu hồi dầu nổi trên bề mặt dựa trên sự chênh lệch tỷ trọng giữa dầu và nước, dầu tỷ trọng nhẹ hơn nên luôn xu hướng nổi lên trong nước, với tốc độ phụ thuộc vào tỷ trọng và kích cỡ của hạt dầu và đồng thời lắng tách cặn dưới đáy.



Hình 3.7. Sơ đồ cấu tạo bể gạn dầu

Chủ cơ sở xây dựng bể gạn dầu với thể tích 3,8 m³ (với diện tích 3,3 m², chiều cao 1,15 m) có kết cấu bê tông gạch thẻ không có tính thấm, nhằm đảm bảo xử lý nước nhiễm dầu đạt giới hạn cho phép QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, đối với cửa hàng không có dịch vụ rửa xe) thoát ra mương thoát nước phía sau của cơ sở.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Nguồn phát sinh

Nguồn gây ô nhiễm không khí từ hoạt động của cơ sở bao gồm:

- Hơi nhiên liệu xăng dầu;
- Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông.

2.2. Lưu lượng

- Hơi nhiên liệu xăng dầu: Đặc điểm của xăng, dầu là loại nhiên liệu có nhiệt độ sôi thấp, nên rất dễ bốc hơi ở nhiệt độ thường. Hơi nhiên liệu xăng dầu (benzen, hydrocacbua,...) phát sinh từ quá trình nạp, dự trữ, bán nhiên liệu (đây là mùi đặc trưng của loại hình dự án). Tuy nhiên, lượng hơi nhiên liệu phát sinh với lưu lượng rất thấp, gián đoạn (chỉ phát sinh trong quá trình nạp liệu) và tần suất phát sinh không liên tục.

- Bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển:

+ Bụi, khí thải từ xe gắn máy 02 bánh: Số lượng xe gắn máy 02 bánh di chuyển đến cơ sở ước tính khoảng 100 lượt/ngày đêm. Dựa trên hệ số ô nhiễm của Tổ chức Y tế thế giới (1993) và cơ quan bảo vệ môi trường Mỹ thiết lập đối với loại xe gắn máy 2 bánh, ước tính tải lượng không khí của khí thải xe gắn máy 02 bánh như sau:

Bảng 3.2. Tải lượng chất ô nhiễm không khí trong khí thải xe gắn máy 2 bánh

| STT | Thông số | Hệ số ô nhiễm (kg/1.000 km) | Chiều dài tính toán (1.000 km) | Tổng tải lượng (kg/ngày) |
|-----|-----------------|-----------------------------|--------------------------------|--------------------------|
| 1 | Bụi | 0,12 | 0,01 | 0,25 |
| 2 | SO ₂ | 0,76*S | 0,01 | 0,08 |
| 3 | NO _x | 0,3 | 0,01 | 0,62 |
| 4 | CO | 20 | 0,01 | 41 |

(Nguồn: Tổ chức Y tế thế giới, 1993)

Bảng 3.3. Nồng độ khí thải do xe hai bánh phát ra

| STT | Thông số | Tải lượng (kg/ngày) | Tải lượng (g/s) | Nồng độ (mg/m ³) | QCVN 05:2013/BTNMT (TB 01 giờ-mg/m ³) |
|-----|-----------------|---------------------|-----------------|------------------------------|---|
| 1 | Bụi | 0,25 | 0,05 | 0,92 | 0,3 |
| 2 | SO ₂ | 0,08 | 0,02 | 0,41 | 0,35 |
| 3 | NO _x | 0,62 | 0,13 | 0,89 | 0,2 |
| 4 | CO | 41 | 8,54 | 39,6 | 30 |

(Nguồn: Tổ chức Y tế thế giới, 1993)

Tính toán tại khoảng cách $x = 300$ so với ống xả khói của xe máy, nồng độ chất ô nhiễm còn cao. Theo kết quả ở Bảng 3.3, tham khảo nồng độ khí thải do xe gắn máy 2 bánh phát ra, thì nồng độ chất ô nhiễm vượt giới hạn của QCVN 05:2013/BTNMT.

+ Bụi khí thải từ xe tải: Số lượng lượt xe tải, xe xitec, xe ô tô ra vào cơ sở khoảng 20 lượt/ngày đêm. Loại phương tiện này sử dụng nhiên liệu dầu DO là chủ yếu. Khí thải phát sinh trong quá trình đốt của động cơ xe gồm bụi, SO₂, CO, VOC,... Khi đốt cháy hoàn toàn 01 kg dầu DO thì tạo ra khoảng 22 – 25 m³ khí thải. Định mức sử dụng dầu DO của xe khoảng 7 lít/giờ.

Bảng 3.4. Thành phần khí thải của các phương tiện xe tải, xe xitec, xe ô tô

| STT | Thông số | Hệ số ô nhiễm (kg/tấn dầu) | Tải lượng ô nhiễm (g/s) | Nồng độ (mg/m ³) | QCVN 05:2013/BTNMT (TB 1 giờ - mg/m ³) |
|-----|-----------------|----------------------------|-------------------------|------------------------------|--|
| 1 | Bụi | 0,28 | 0,0047 | 11,11 | 0,3 |
| 2 | SO ₂ | 20*S | 0,00017 | 0,401 | 0,35 |
| 3 | NO _x | 2,84 | 0,048 | 113,5 | 0,2 |
| 4 | CO | 0,71 | 0,012 | 28,39 | 30 |

(Nguồn: Tổ chức Y tế thế giới, 1993)

Nhận xét: Nồng độ chất ô nhiễm của hoạt động phương tiện vận chuyển như: xe tải, xe xitec, xe ô tô,... thải ra khói thải có chứa bụi và một số chất khí có nồng độ vượt ngưỡng cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT (trừ chỉ tiêu CO), nên Chủ dự án cần có biện pháp giảm thiểu hợp lý.

2.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm

2.3.1. Đối với hơi nhiên liệu xăng dầu

Trồng cây xanh quanh khu vực cửa hàng tạo môi trường trong lành cho nhân viên làm việc tại cơ sở cũng như khu vực dân cư lân cận; Trang bị bảo hộ lao động cần thiết như: khẩu trang,... nhằm giảm thiểu mùi cho nhân viên bán hàng.

Khi đi vào hoạt động, cơ sở luôn áp dụng các biện pháp sau nhằm hạn chế ảnh

hưởng đến môi trường:

- + Các bồn chứa được chôn ngầm dưới đất, nơi chứa xăng dầu sẽ được che mát để tránh ảnh hưởng của nhiệt do bức xạ mặt trời, nhằm giảm sự bốc hơi xăng dầu.
- + Bồn chứa xăng dầu luôn vặn chặt nắp và có đệm lót cao su đầy đủ.
- + Rót nguyên liệu vào bồn ở trạng thái nhúng chìm.
- + Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời đường ống và van cho bồn chứa xăng dầu.

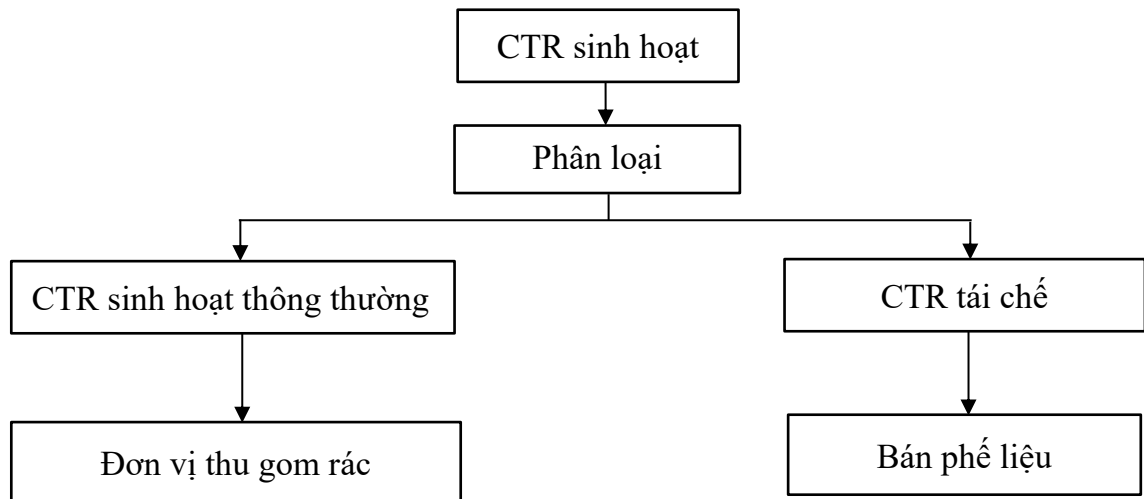
2.3.2 Đối với bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông

Toàn bộ mặt bằng kinh doanh xăng dầu của cơ sở sẽ được tráng xi măng, tận dụng các khoảng trống xung quanh cơ sở để bố trí chậu kiếng tạo môi trường mỹ quan cho cơ sở. Tưới nước làm mát sân hạn chế bụi phát tán xung quanh.

Các phương tiện giao thông đường bộ vào mua xăng dầu tuyệt đối phải tắt máy để hạn chế ảnh hưởng bụi và tiếng ồn.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn phát sinh tại dự án được thu gom, quản lý và xử lý như sau:



Hình 3.8. Sơ đồ thu gom chất thải rắn tại cơ sở

Thành phần chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án chủ yếu là chai nhựa, hộp cơm, thức ăn thừa,... Trong khu vực dự án không có nhà ăn, nhân viên tự túc về cơm. Lượng chất thải rắn sinh hoạt được ước tính dựa trên định mức phát sinh quy định tại QCVN 01:2021/BXD, theo đó định mức phát sinh chất thải sinh hoạt khu vực này là 0,8 kg/người ngày, với số lượng là 06 nhân viên làm việc thì khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh được tính như sau:

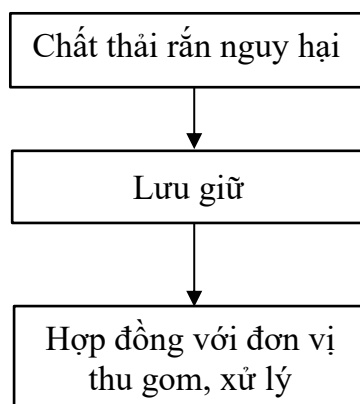
$$N_{CTRSH} = 5 \text{ người} * 0,8 \text{ kg/người/ngày} = 4 \text{ kg/ngày đêm.}$$

Khách hàng đến cơ sở mua xăng dầu, dự kiến có 100 người đến giao dịch trung bình 01 người thải ra 0,05kg rác thải.... Dự kiến số lượng khoảng 5kg/ ngày.

Tại cơ sở, thực hiện bố trí 02 thùng nhựa thể tích 05 lít có nắp đậy kín, được bố trí 01 thùng rác tại khu vực buôn bán, 01 thùng rác ở nhà vệ sinh. Cuối ngày, nhân viên dọn dẹp vệ sinh, thu gom và tập kết. Hợp đồng với đơn vị địa phương có chức năng đến thu gom hằng ngày. Các loại chất thải rắn thông thường có khả năng tái chế được thu gom bán cho phế liệu.

Chủ cơ sở đã kí hợp đồng với Xi nghiệp môi trường đô thị Chợ Mới để thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại cơ sở, tần suất thu gom 1 lần/ngày.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại



Hình 3.9. Sơ đồ thu gom chất thải rắn tại cơ sở

Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn hoạt động của cơ sở chủ yếu là: xăng dầu cặn, giẻ lau dính dầu thải, thùng đựng nhớt, can đựng dầu bị hư,...

Theo báo cáo kết quả quan trắc môi trường của cơ sở năm 2023 thì lượng CTNH được thống kê như sau:

Bảng 3.5. Thống kê nhóm CTNH tại cơ sở năm 2023

| TT | Tên chất thải | Mã CTNH | Khối lượng | Đơn vị |
|------------------|--|----------|------------|---------------|
| 1 | Bóng đèn huỳnh quang thải | 16 01 06 | 01 | Kg/năm |
| 2 | Giẻ lau dính dầu thải | 18 02 01 | 01 | Kg/năm |
| 3 | Bao bì thải, thùng đựng nhớt, can dầu bị hư có chứa hoặc nhiễm các thành phần nguy hại | 18 01 01 | 01 | Kg/năm |
| Tổng cộng | | | 03 | Kg/năm |

* Biện pháp lưu giữ, xử lý:

Cơ sở bố trí khu vực chứa CTNH cạnh nhà vệ sinh có mái che nắng mưa, nền tráng xi măng không thấm hút, bậc thềm cao.

Thu gom, phân loại các chất thải nguy hại phát sinh, các CTNH này được tồn chứa riêng biệt trong 03 thùng nhựa có thể tích 20L, được dán nhãn nhận biết. Khi lượng chất thải nguy hại phát sinh nhiều chủ cơ sở thuê đơn vị có chức năng để xử lý.

Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Sao Việt theo hợp đồng số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020/HĐXLCT ký ngày 7/9/2020 về việc cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH để thu gom, xử lý CTNH tại dự án (*hợp đồng đính kèm phụ lục của báo cáo, hiệu lực hợp đồng 3 năm kể từ ngày ký*), với tần suất 1 lần/năm.

5. Công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

** Nguồn phát sinh:*

Các nguồn gây ồn và rung điển hình nhất trong giai đoạn hoạt động của cơ sở chủ yếu là hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào cơ sở, từ hoạt động bơm xuất nhiên liệu xăng dầu,...

** Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung*

Để giảm thiểu các tác động này cơ sở thực hiện một số biện pháp giảm thiểu như sau:

- Quy định lối đi và tốc độ cho các phương tiện giao thông đến mua hàng.
- Trồng nhiều cây xanh xung quanh khuôn viên.
- Định kỳ bảo hành, bảo trì máy móc, thiết bị.
- Quy định xe tải nhập nhiên liệu chạy vào cơ sở với tốc độ thấp, không sử dụng kèn xe.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Sự cố cháy nổ

- Nguyên nhân: Một số nguyên nhân dẫn đến cháy nổ tại dự án như: xăng dầu bắt lửa, hệ thống điện tại khu vực đóng cắt không kín hoặc chạm chập đường dây điện, tàn lửa sinh ra từ nhiều nguồn gốc khác nhau... gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng con người và làm thất thoát tài sản nếu không được quản lý, kiểm soát chặt chẽ.

- Biện pháp xử lý:

+ Thực hiện đầy đủ bảng nội quy tiêu lệnh PCCC, không mang các thành phần dễ phát sinh cháy nổ vào kho chứa như cấm lửa, cấm hút thuốc.

+ Trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC như: Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, đèn tín hiệu, hệ thống chống sét, còi cứu hỏa hoạt động bằng đầu dò cảm biến điện tử, các phương tiện và thiết bị chữa cháy (bình cứu hỏa, vòi nước chữa cháy, bơm nước,...) tại chỗ để sẵn sàng sử dụng khi có sự cố xảy ra.

+ Trong từng hạng mục công trình của dự án, chủ dự án cần trang bị chu đáo các

thiết bị PCCC nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất các thiệt hại có thể xảy ra.

+ Thường xuyên phối hợp với cơ quan chức năng để tập huấn về công tác PCCC cho nhân viên.

+ Khoảng cách giữa các công trình phải bố trí phù hợp, hệ thống đường giao thông nội bộ, sân bãi đảm bảo cho xe chữa cháy có thể chạy tới tất cả các hạng mục công trình khi cần thiết.

+ Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân gồm: Quần áo bảo hộ, khẩu trang,... đồng thời trang bị các thiết bị cấp cứu tại chỗ, tủ thuốc với bảng chỉ dẫn sử dụng.

+ Chú ý các yếu tố vi khí hậu nhằm đảm bảo môi trường lao động an toàn và hợp vệ sinh, bảo vệ sức khỏe cho công nhân; Giảm tốc độ khi ra vào dự án.

6.2. Sự cố tràn xăng dầu

- Nguyên nhân: Trong quá trình vận chuyển, nhập, xuất xăng dầu không cẩn thận hoặc do các bồn chứa xăng dầu bị rò rỉ,... gây nguy hiểm cho người vận hành, vận chuyển, làm thất thoát nguồn nhiên liệu đồng thời có khả năng gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Chủ dự án thực hiện sử dụng loại bồn chứa nhiên liệu được làm bằng thép thiết kế giằng chống nổi (đặt ngầm) xung quanh bồn chứa được bọc lớp chống ăn mòn, được chèn lớp cát mịn dày 0,3m nhằm phòng ngừa sự cố tràn dầu tại dự án.

+ Thường xuyên nhắc nhở nhân viên ý thức, trách nhiệm thực hiện nghiêm túc quy trình nhập, xuất, dự trữ xăng dầu đúng cách.

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các bồn chứa xăng dầu, các trang thiết bị máy móc trong vận hành nhập xuất xăng dầu.

+ Kiểm tra cột thu lôi theo đúng quy định đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão.

+ Khi phát hiện sự cố tràn dầu (người phát hiện sự cố thông báo đến Phó BCD UPSCTD – chỉ huy hiện trường); xác minh thông tin và đánh giá sơ bộ sự cố (vị trí xảy ra sự cố, quy mô dầu tràn); triển khai phương án ứng phó. Trong suốt quá trình tham gia ứng phó sự cố, đảm bảo thông tin liên lạc (điện thoại và bộ đàm) giữa chỉ huy hiện trường và Trưởng BCD UPSCTD.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có): -

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt;

+ Nguồn số 02: Nước mưa có khả năng nhiễm xăng dầu.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: lưu lượng xả tối đa đề nghị được cấp phép của hai nguồn thải nói trên là 4 m³/ngày.đêm.

- Dòng nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt sau hầm tự hoại 3 ngăn được dẫn ra mương thoát nước phía sau cơ sở đạt QCVN 14:2008/BTNMT - cột B Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

+ Nước mưa có khả năng nhiễm xăng dầu được dẫn ra mương thoát nước ở phía sau cơ sở đạt QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, đối với cửa hàng không có dịch vụ rửa xe.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

+ Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường QCVN 14:2008/BTNMT - cột B Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Bảng 4.1. Thông số và giới hạn nồng độ ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

| STT | Chất ô nhiễm | Đơn vị | QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B |
|-----|--------------------------------------|-----------|---------------------------|
| 1 | pH | - | 5 - 9 |
| 2 | BOD ₅ (20 ⁰ C) | mg/l | 50 |
| 3 | TSS | mg/l | 100 |
| 4 | H ₂ S | mg/l | 4.0 |
| 5 | Tổng Coliforms | MPN/100ml | 5.000 |

+ Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, đối với cửa hàng không có dịch vụ rửa xe, cụ thể:

Bảng 4.2. Thông số và giới hạn nồng độ ô nhiễm trong nước mưa nhiễm xăng dầu

| STT | Chất ô nhiễm | Đơn vị | QCVN 29:2010/BTNMT, Cột B |
|-----|--------------------|--------|---------------------------|
| 1 | pH | - | 5,5 - 9 |
| 2 | COD | mg/l | 150 |
| 3 | TSS | mg/l | 120 |
| 4 | Tổng dầu mỡ khoáng | mg/l | 30 |

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả nước thải: nước thải sau bể gạn dầu và bể tự hoại ba ngăn của cơ sở được thoát vào mương thoát nước phía sau cơ sở tại ấp Hòa Thượng, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải: (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°): X = 1168822, Y = 0567641.

+ Phương thức xả nước thải: theo phương thức tự chảy.

+ Chế độ xả nước thải: liên tục (24 giờ).

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: mương thoát nước ở phía sau cơ sở.

2. Đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn từ hoạt động phương tiện giao thông.

Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Các nguồn gây ra tiếng ồn do hoạt động cơ sở không được vượt quá giá trị quy định tại bảng sau:

Bảng 4.3. Giá trị tối đa cho phép tiếng ồn

| TT | Từ 6-21 giờ(dBA) | Từ 21-6 giờ (dBA) | Ghi chú |
|----|------------------|-------------------|----------------------|
| 1 | 55 | 45 | Khu vực thông thường |
| 2 | 70 | 55 | Khu vực đặc biệt |

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Cơ sở đã được UBND huyện Chợ Mới cấp Giấy Xác nhận Đề án bảo vệ môi trường đơn giản số 13/XN-UBND ngày 04 tháng 07 năm 2012. Cơ sở thực hiện quan trắc định kỳ theo quy định, kết quả được trình bày như sau:

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

* *Vị trí quan trắc:* Đầu ra bể gạn dầu, tọa độ điểm lấy mẫu X=1168820; Y=0567643.

* *Tần suất quan trắc:* 6 tháng/lần

Kết quả quan trắc môi trường đối với nước thải năm 2023 tại cơ sở:

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc môi trường nước thải năm 2023

| TT | Chỉ tiêu quan trắc | Đơn vị | Năm 2023 | | QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B) |
|----|--------------------|--------|----------|-------|-------------------------------|
| | | | Đợt 1 | Đợt 2 | |
| 1 | pH | - | 7,15 | 7,69 | 5,5 - 9 |
| 2 | COD | mg/l | 57 | 68 | 150 |
| 3 | TSS | mg/l | 31 | 35 | 120 |
| 4 | Tổng dầu mỡ khoáng | mg/l | 4,5 | 5,8 | 30 |

Nhận xét: Tại thời điểm tiến hành quan trắc, kết quả các thông số về chất lượng môi trường của nước thải sau bể gạn qua 2 đợt đều đạt so với QCVN 29:2010/BTNMT (cột B). Kết quả phân tích các chỉ tiêu nước thải của các đợt quan trắc trong năm có sự dao động nhẹ nhưng không đáng kể. Điều này cho thấy bể gạn dầu của cơ sở đạt hiệu quả cao.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

* *Vị trí quan trắc:* Khu vực bồn chứa, tọa độ điểm lấy mẫu X=1168816; Y=0567650.

* *Tần suất quan trắc:* 6 tháng/lần.

Kết quả quan trắc môi trường không khí năm 2023 tại cơ sở:

Bảng 5.2 Kết quả quan trắc không khí tại khu vực bồn chứa trong năm 2023

| TT | Ký hiệu điểm quan trắc | Ký hiệu mẫu | Nhóm thông số | | | | |
|----|------------------------|------------------|---------------|-------------------|-----------------|-----------------|-------|
| | | | Độ ồn | Bụi | SO ₂ | NO ₂ | CO |
| | | | dBA | mg/m ³ | | | |
| 1 | KK01-Đ1 | PNE.22.1947.SX01 | 61,4 | 0,58 | < 0,044 | 0,05 | < 4,5 |
| 2 | KK01-Đ2 | PNE.22.3054.SX01 | 64,7 | 0,67 | 0,07 | 0,09 | < 4,5 |

| TT | Ký hiệu điểm quan trắc | Ký hiệu mẫu | Nhóm thông số | | | | |
|----|------------------------------|-------------------------|---------------|-------------------|-----------------|-----------------|-----------|
| | | | Độ ồn | Bụi | SO ₂ | NO ₂ | CO |
| | | | dBA | mg/m ³ | | | |
| | | QCVN 24:2016/BYT | 85 | - | - | - | - |
| | | QCVN 02:2019/BYT | - | 8 | - | - | - |
| | | QCVN 03:2019/BYT | - | - | 10 | 10 | 40 |

Nhận xét:

- Nồng độ bụi tại khu vực bồn chứa trong 2 đợt quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 02:2019/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

- Nồng độ SO₂, NO₂, CO trong không khí tại khu vực bồn chứa trong 2 đợt quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 03:2019/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hoá học tại nơi làm việc.

- Cường độ tiếng ồn tại khu bồn chứa trong 2 đợt quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 24:2016/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn-mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông tại An Giang đề xuất chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động của “Cửa hàng xăng dầu số 55” như sau:

1. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục, định kỳ) theo quy định của pháp luật

1.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

*** Quan trắc nước thải:**

- Vị trí giám sát: Vị trí nước thải đầu ra của bể gạn dầu.
- Tọa độ vị trí giám sát: X=1168820; Y=0567643.
- Tần suất: 6 tháng/lần.
- Quan trắc các thông số ô nhiễm có trong nước thải gồm: pH, TSS, COD, Tổng dầu mỡ khoáng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, đối với cửa hàng không có dịch vụ rửa xe.

*** Quan trắc môi trường không khí:**

- Vị trí giám sát: khu vực bồn chứa
- Tọa độ vị trí giám sát: X=1168816; Y=0567650.
- Tần suất: 6 tháng/lần.
- Quan trắc các thông số ô nhiễm: Độ ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 24:1026/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
 - + QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc;
 - + QCVN 03:2019/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

1.2. Chương trình quan trắc chất thải tự động, liên tục

Căn cứ điều 97 và Phụ lục XXVIII Nghị định 08/2022/NĐ-CP thì cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc chất thải (tự động, liên tục) theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Chi phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm đối với nước thải, khí thải tại cơ sở căn cứ vào Đơn vị thu và phân tích mẫu tại thời điểm quan trắc, kinh phí cho hoạt động này khoảng 15.000.000 đồng/năm.

CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Từ năm 2020 đến nay không có đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường tại Cơ sở.

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chủ đầu tư cam kết thực hiện đúng các quy định của Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản pháp lý có liên quan. Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của các cơ quan quản lý tại địa phương. Tuân thủ các quy định pháp luật của Nhà nước.

Đảm bảo các nguồn thải do hoạt động của cơ sở nằm trong giới hạn cho phép của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành:

- Đối với nước thải:

+ Nước mưa nhiễm xăng dầu: Xử lý đạt cột B, QCVN 29:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, đối với cửa hàng không có dịch vụ rửa xe.

+ Nước thải sinh hoạt: Xử lý đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: được thu gom và xử lý triệt để, đảm bảo không rơi vãi và phát tán ra môi trường xung quanh đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng quy định của văn bản pháp luật hiện hành tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày ngày 10/01/2022.

- Đối với chất thải nguy hại: đảm bảo phân loại, thu gom và quản lý đúng theo quy định hướng dẫn tại các văn bản pháp luật hiện hành (Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày ngày 10/01/2022), tiếp tục thực hiện ký hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định.

Chủ cơ sở cam kết nội dung, thông tin trong báo cáo Đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Cửa hàng xăng dầu số 55” của Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông tại ấp Hòa Thượng, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chủ cơ sở cam kết thực hiện nghiêm túc các biện pháp, các công trình bảo vệ môi trường theo báo cáo đề xuất nhằm giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường khi cơ sở đi vào vận hành chính thức.

Trong quá trình hoạt động, nếu có phát sinh các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường hay sự cố môi trường, Chủ đầu tư cam kết sẽ đền bù và thực hiện khắc phục hậu quả xảy ra theo quy định.

PHỤ LỤC

- 1.** Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- 2.** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- 3.** Bản sao giấy xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản.
- 4.** Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu.
- 5.** Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC.
- 6.** Giấy chứng nhận đủ điều kiện về PCCC.
- 7.** Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy nổ bắt buộc.
- 8.** Hợp đồng thu gom chất thải nguy hại, biên lai thu tiền rác sinh hoạt.
- 9.** Phiếu kết quả quan trắc môi trường năm 2023.
- 10.** Bản vẽ mặt bằng tổng thể, mặt bằng thoát nước, sơ đồ vị trí lấy mẫu quan trắc môi trường.
- 11.** Bản vẽ bể gạn dầu.
- 12.** Bản vẽ hầm tự hoại.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 1800277683-002

Đăng ký lần đầu, ngày 27 tháng 08 năm 2003

Đăng ký thay đổi lần thứ: 24, ngày 04 tháng 03 năm 2022

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MÊ KÔNG TẠI AN GIANG

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Số 222 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0296.3924222

Fax:

Email: *angiang.pm@gmail.com*

Website: /

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: PHẠM HOÀNG THỜ

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *10/07/1985* Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *083085000028*

Ngày cấp: *18/02/2016* Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Địa chỉ thường trú: *337/4 Tổ 4, KV 4, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *337/4 Tổ 4, KV 4, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam*

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CP DẦU KHÍ MÊ KÔNG

Mã số doanh nghiệp: 1800277683

Địa chỉ trụ sở chính: 60-62, đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty CP Dầu khí Mê Kông

Giấy phép kinh doanh số: 1800277683, cấp ngày 26 tháng 8 năm 2011

Địa chỉ trụ sở chính: phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

BE 565486

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 269, tờ bản đồ số: 6
b) Địa chỉ: Xã Kiến An, Huyện Chợ Mới, An Giang
c) Diện tích: 904,3 m², (bằng chữ: Chín trăm lẻ bốn phẩy ba mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: riêng: 904,3 m²; chung: không m²
đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh
e) Thời hạn sử dụng:
g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà bán hàng, mái che trụ bơm

| Hạng mục công trình | Diện tích xây dựng (m ²) | Diện tích sàn hoặc công suất | Kết cấu chủ yếu | Cấp công trình | Số tầng | Năm hoàn thành xây dựng | Thời hạn sở hữu |
|---------------------|--------------------------------------|------------------------------|---|-------------------|---------|-------------------------|-----------------|
| Nhà bán hàng | 59,3 | 59,3 | Khung BTCT, nền gạch, vách gạch, mái tole | Cấp 4 (theo TT33) | 1 | 2005 | -/- |
| Mái che trụ bơm | 81,4 | 81,4 | Khung BTCT, nền đất, mái tole | Cấp 4 (theo TT33) | 1 | 2005 | -/- |

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không.

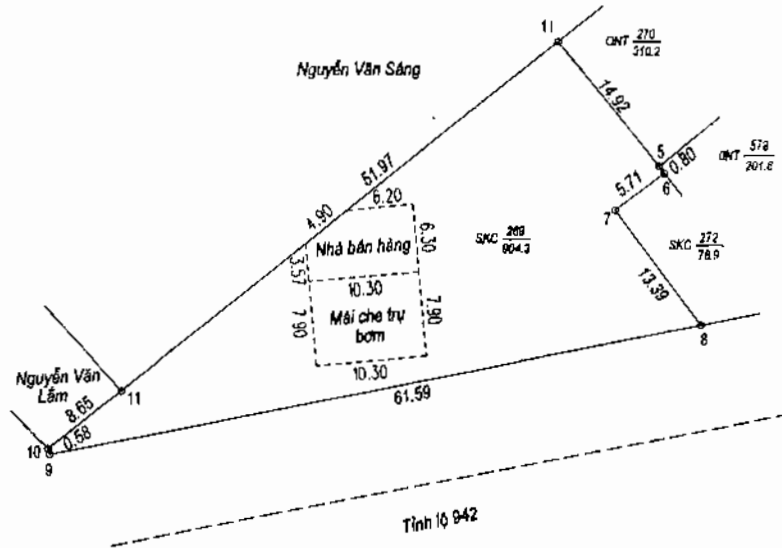
An Giang, ngày 09 . tháng 3 . năm 2012
TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
TU. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Số vào sổ cấp GCN: CT04711

Cao ...

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất và tài sản gắn liền với đất của Văn phòng Đăng ký đất và Thông tin Tài nguyên Môi trường lập ngày 16/01/2012

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|------------------------------------|------------------------------------|
| | |

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



8 930 595 120 000 13

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty CP Dầu khí Mê Kông

Giấy phép kinh doanh số: 1800277683, cấp ngày 26 tháng 8 năm 2011

Địa chỉ trụ sở chính: phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

BE 565487

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 270, tờ bản đồ số: 6
- b) Địa chỉ: Xã Kiến An, Huyện Chợ Mới, An Giang
- c) Diện tích: 310,2 m², (bằng chữ: Ba trăm mười phẩy hai mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: riêng: 310,2 m²; chung: không m²
- đ) Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn
- e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài
- g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

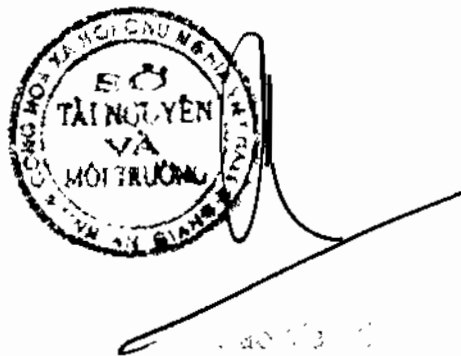
3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

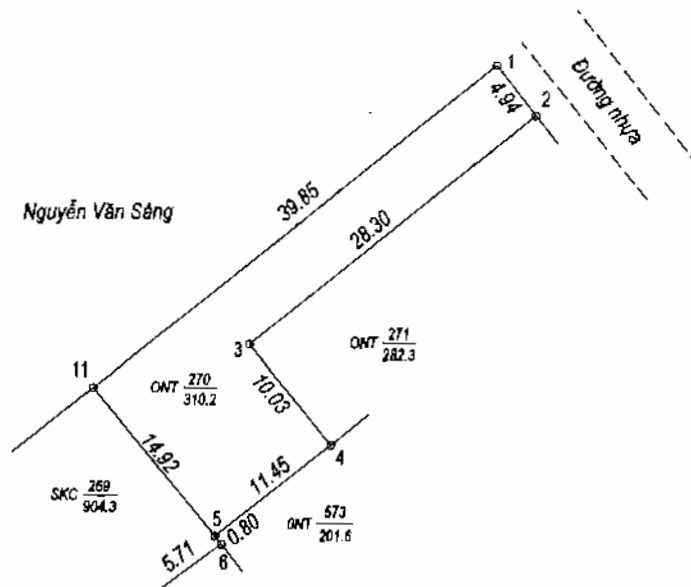
6. Ghi chú: Không.

An Giang, ngày 09 . tháng 3 . năm 2012
TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
TU. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Số vào sổ cấp GCN: CT04712

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất và tài sản gắn liền với đất của Văn phòng Đăng ký đất và Thông tin Tài nguyên Môi trường lập ngày 16/01/2012

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|------------------------------------|------------------------------------|
| | |

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



8 9 3 0 5 9 5 1 2 0 0 0 0 1 3

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI**

Số: *17* /XN-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Chợ Mới, ngày 04 tháng 7 năm 2012

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐƠN GIẢN
của cửa hàng xăng dầu Kiến An**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Luật tổ chức HĐND-UBND được Quốc hội thông qua ngày 26/3/2003 về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của HĐND-UBND huyện;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường đơn giản của cửa hàng xăng dầu Kiến An kèm theo Văn bản ngày 18 tháng 6 năm 2012 của công ty cổ phần dầu khí Mekong do ông Lưu Văn Nguyễn làm Giám đốc,

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

XÁC NHẬN:

Điều 1. Bản đề án bảo vệ môi trường đơn giản của cửa hàng xăng dầu Kiến An do Công ty cổ phần Dầu khí MeKông lập đã được đăng ký tại UBND huyện Chợ Mới. Địa điểm thực hiện tại ấp Hòa Thương, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Điều 2. Chủ cơ sở có trách nhiệm:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường đề ra trong đề án; đảm bảo các chất thải và các vấn đề môi trường khác được quản lý, xử lý đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.2. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.3. Phải thực hiện chương trình giám sát môi trường về chất lượng nước thải như COD, chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng; không khí xung quanh như bụi, NO_x, ... với tần suất giám sát 2 lần/năm; các chỉ tiêu phải so sánh theo Tiêu chuẩn, Quy chuẩn hiện hành. Kết quả giám sát môi trường phải được cập nhật và báo cáo cho phòng Tài nguyên và Môi trường Chợ Mới để kiểm tra, theo dõi.

Điều 3. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký. *Thđ*

Nơi nhận:

- Chủ cơ sở;
- Lưu: VT, TNMT.

VT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Man

Trần Thị Yên Châu

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số **638-0523**/GCNĐDK-SCT

An Giang, ngày...**22**..tháng.....**5**....năm...**2023**..

GIẤY CHỨNG NHẬN
CỬA HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN LẺ XĂNG DẦU

Cấp lần thứ nhất: ngày 06 tháng 8 năm 2012

Cấp lại lần thứ 04: ngày 22 tháng 5 năm 2023

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH AN GIANG

Căn cứ Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu của Chi nhánh Công ty cổ phần dầu khí Mê Kông tại An Giang;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Thương mại,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu

1. Tên cửa hàng bán lẻ xăng dầu: **ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MÊ KÔNG TẠI AN GIANG - CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 55**

Địa chỉ: **ấp Hòa Thượng, xã Kiên An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.**

Điện thoại: 0986.915.008

Thuộc sở hữu doanh nghiệp:

Chi nhánh Công ty cổ phần dầu khí Mê Kông tại An Giang

Tên giao dịch đối ngoại:

Địa chỉ trụ sở chính: **Số 222 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.**

Điện thoại: 02963.924.222

Fax: 02963.924.666

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1800277683-00200012 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 06 tháng 7 năm 2015.

Mã số thuế: 1800277683-002

Đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

2. Thương nhân cung cấp xăng dầu

Tên thương nhân: **Chi nhánh Công ty cổ phần dầu khí Mê Kông tại An Giang**

Địa chỉ trụ sở chính: **Số 222 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.**


Điện thoại: 02963.924.222

Fax: 02963.924.666

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1800277683-002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp thay đổi lần thứ 24 ngày 04 tháng 3 năm 2022.

Mã số thuế: 1800277683-002

Điều 2. Chi nhánh Công ty cổ phần dầu khí Mê Kông tại An Giang phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu này có giá trị đến **hết ngày 22 tháng 5 năm 2024**; thay thế cho Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu số 638-0622/GCNĐDK-SCT ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Giám đốc Sở Công Thương. / 

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận

- Cửa hàng xăng dầu Số 55;
- Bộ Công Thương (b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH;
- Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng;
- Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Chợ Mới;
- Cục Quản lý thị trường;
- Lưu VT, P.QLTM.



Nguyễn Minh Hùng

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh xăng dầu, thương nhân phải tuân thủ các quy định sau đây:

- Niêm yết công khai tại cửa hàng bán lẻ xăng dầu:
 - Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu;
 - Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện, thiết bị đo lường;
 - Nội quy về an toàn phòng cháy chữa cháy do cấp có thẩm quyền ban hành.
- Thường xuyên bảo đảm các điều kiện quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Thông tư 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.
- Bảo quản, sử dụng phương tiện đo lường theo đúng quy trình kỹ thuật quy định và trách nhiệm về tính nguyên vẹn của niêm phong.
- Nghiêm cấm sử dụng phương tiện đo lường chưa qua kiểm định hoặc hết thời hạn sử dụng. Khi phát hiện phương tiện đo lường bị hư hỏng phải dừng ngay việc sử dụng và báo cơ quan quản lý về tiêu chuẩn đo lường chất lượng sửa chữa và kiểm định lại.
- Nếu có sự thay đổi tình trạng pháp lý về tổ chức, nội dung kinh doanh ghi trong Giấy này phải khai báo với cơ quan cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.
- Khi giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu hết thời hạn hiệu lực, phải đến cơ quan cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu để nghị cấp đổi lại.
- Không được bán, cho thuê, mượn, cầm cố, hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong Giấy này.
- Trường hợp bị mất Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu, phải trình báo ngay cho cơ quan Công an phường, xã nơi kinh doanh và cơ quan cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu và tiến hành cấp lại theo quy định.
- Khi chấm dứt kinh doanh phải trả lại ngay Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu /.

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số.....ngày...../...../.....
của:.....**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MÊ KÔNG**.....
Người đại diện là ông/ bà: **LƯU VĂN NGUYỄN**..... Chức danh **GIÁM ĐỐC**
PHÒNG CS PCCC & CNCH CÔNG AN AN GIANG

CHỨNG NHẬN:

CÔNG TRÌNH: CỬA HÀNG XĂNG, DẦU

(2).....
Địa điểm **ẤP HOÀ THƯỢNG, XÃ KIẾN AN, HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: **CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MÊ KÔNG**
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: **CTY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIỀN MỘC**
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

.....**Bậc chịu lửa, GHCL của công trình.**.....

.....**Khoảng cách an toàn PCCC.**.....

.....**- An toàn hệ thống điện, chống sét.**.....

.....**- Đường ống công nghệ, bồn bể chứa xăng, dầu.**.....

.....theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3).....
.....**- Thi công theo bản vẽ đã được thẩm duyệt.**.....
.....**- Trang bị phương tiện chữa cháy đúng TCVN 4530-1998.**.....
.....**- Tổ chức nghiệm thu PCCC, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện PCCC mới
được kinh doanh.**.....

Long xuyên, ngày 20 tháng 01 năm 2012.....

Nơi nhận:

.....**Như trên**.....
.....**Đơn vị thi công**.....
.....**Lưu PC66**.....

(4).....**TRƯỞNG PHÒNG**.....



THƯỢNG TÁ NGUYỄN VĂN THÀNH

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

**BỘ CÔNG AN
CÔNG AN AN GIANG**

Số: 96 /DK-PCCC (...PC)96

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Mẫu PC4
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-0-2004 - In 2008

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ đề nghị cấp "Giấy chứng nhận đủ điều kiện về PCCC" của ông/bà:.....

LÊ HÒA BÌNH Chức vụ: **TRƯỞNG CHI NHÁNH**
đại diện cho: **CÔNG TY CP DẦU KHÍ MEKONG**
và biên bản kiểm tra các điều kiện về PCCC của **PHÒNG CS PCCC & CNCH**
lập ngàythángnăm

(1) **PHÒNG CS PCCC & CNCH**

CHỨNG NHẬN:

(2) **CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 43**

Thuộc: **CÔNG TY CP DẦU KHÍ MEKONG**
Địa chỉ: **ẤP HÒA THƯƠNG, KIẾN AN, CHỢ MỚI, AN GIANG**

Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận này có đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật để: **KINH DOANH XĂNG DẦU**

Đồng thời ông/bà: **LÊ HÒA BÌNH** có trách nhiệm duy trì liên tục điều kiện về PCCC đã chứng nhận của **PHÒNG CS PCCC & CNCH** trong suốt quá trình hoạt động.

An Giang, ngày **03** tháng **9** năm **2013**

(3) **TRƯỞNG PHÒNG**



Đại tá Nguyễn Văn Thành

Số: 12 /HĐTĐ-XNMTĐTĐTCM

HỢP ĐỒNG

Về việc thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt năm 2023

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV;

Căn cứ Quyết định số 94/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về Quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ vào khả năng cung cấp dịch vụ của Xí nghiệp Môi trường đô thị Chợ Mới và tình hình thực tế tại địa phương;

Hôm nay, ngày...30...tháng...12...năm...2022.

Tại Văn phòng Xí nghiệp Môi trường đô thị Chợ Mới, chúng tôi gồm có:

BÊN A: XÍ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CHỢ MỚI.

Địa chỉ: Đường Tinh lộ 942 – Ấp Long Hòa – Thị trấn Chợ Mới – Huyện Chợ Mới – Tỉnh An Giang.

Điện thoại: Nhân viên phụ trách (Phương: 0901.242.722)

Tài khoản: 1018652458 tại NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN An Giang - PGD Mỹ Lương (Vietcombank).

Mã số thuế: 1601604590-010

Do Ông: **Phạm Thanh Sang** Chức vụ: **Phó Giám Đốc** Làm đại diện

BÊN B: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MÊ KÔNG TẠI AN GIANG

Địa chỉ: 222 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

Điện thoại: 02963924222

Mã số thuế: 1800277683-002

Địa chỉ Mail:

Do Ông (bà): Chức vụ: Làm đại diện

Sau khi trao đổi, bàn bạc, hai bên đi đến thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ với những điều khoản như sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

Bên A nhận thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt cho Bên B.

Điều 2. Trách nhiệm Bên A

- Bên A phân công lực lượng công nhân và xe chuyên dùng chở rác đến bên B nhận rác thải sinh hoạt đã được tập kết sẵn và vận chuyển đến bãi rác.

Điều 3. Trách nhiệm Bên B

- Bên B có trách nhiệm thu gom rác vào thùng và tập kết lại một nơi để bên A đến nhận. Vị trí tập kết rác phải thuận lợi cho xe chuyên dùng chở rác ra vào.

- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên A theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

Điều 4. Địa điểm, thời gian thu gom rác

- Địa điểm thu gom: CHXD số 55, địa chỉ ấp Hòa Thượng – Xã Kiến An – Huyện Chợ Mới – Tỉnh An Giang.

- Thời gian thu gom: Hàng ngày.

Điều 5. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Tổng giá trị hợp đồng: 1.200.000 đồng/năm (100.000 đồng/tháng), giá đã bao gồm tiền thuế giá trị gia tăng.

(Số tiền bằng chữ: Một triệu, hai trăm ngàn đồng).

2. Phương thức thanh toán:

- Thanh toán: 1 lần/năm.

- Số tiền thanh toán/lần: 1.200.000 đồng.

- Thời gian thanh toán:

+ Sau khi ký hợp đồng, Bên A đến Bên B gửi hóa đơn tài chính thì Bên B thanh toán cho Bên A bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

+ Sau 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày Bên B nhận đủ hồ sơ thanh toán từ bên A, Bên B không thanh toán tiền cho Bên A thì Bên A có quyền ngưng thu gom rác sinh hoạt mà không cần phải thông báo cho Bên B. Khi có yêu cầu thu gom rác lại thì lượng rác phát sinh sẽ tính theo đơn giá dịch vụ phát sinh mà Bên A khảo sát và báo giá cho Bên B.

Điều 6. Thời hạn của hợp đồng

Thời gian thực hiện kể từ ngày: 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023.

Điều 7. Điều khoản chung

- Khi một trong hai bên có thay đổi thông tin (tên đơn vị, địa chỉ, số tài khoản,...) phải thông báo cho bên còn lại biết trước từ 03 – 07 ngày. Trong trường hợp Bên A xuất hóa đơn trước thời gian Bên B gửi thông báo thay đổi thông tin thì mặc nhiên hóa đơn đó vẫn được chấp nhận và Bên B phải thanh toán tiền cho Bên A theo hóa đơn đã xuất.

- Bất kỳ một sự sửa đổi hay bổ sung hợp đồng sẽ chỉ có giá trị nếu như được đại diện có thẩm quyền của hai bên ký vào phụ lục hợp đồng và phải thông báo cho bên còn lại biết chậm nhất là 03 (ba) ngày. Phụ lục hợp đồng này sẽ là một phần không tách rời của hợp đồng.

- Hai bên cam kết thực hiện những điều khoản đã ghi trong hợp đồng, nếu có phát sinh khó khăn trong quá trình thực hiện, hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết. Trường hợp không giải quyết được sẽ chuyển vụ việc ra tòa án kinh tế giải quyết. Sau khi hai bên đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thì hợp đồng được xem như đã thanh lý.

- Hợp đồng này lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau./.

Đại diện Bên B



Đại diện Bên A

Phó Giám đốc



Phạm Thanh Sang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 68/DKMK.KHĐTAT-SV

V/v Cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại năm 2024

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2022;

Căn cứ nhu cầu của Công ty CP Dầu khí Mê Kông và năng lực thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại của Công ty Cổ phần Môi trường Sao Việt.

Hôm nay, ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại văn phòng CP Dầu khí Mê Kông, chúng tôi gồm có:

Các bên ký Hợp đồng:

1. Chủ đầu tư (Bên A): Công ty CP Dầu khí Mê Kông;

- Địa chỉ: Số 60-62 đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ

- Điện thoại: 02923.810817

- Đại diện: **Ông Đào Đình Thiêm** - Chức vụ: Giám đốc Công ty

- Mã số thuế: 1800277683

2. Nhà thầu (Bên B): Công ty CP Môi trường Sao Việt

- Địa chỉ: Lô số 7, Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, Xã Tóc Tiên, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

- Đại diện: **Ông Đỗ Huy Dương** - Chức vụ: Giám đốc điều hành

- Điện thoại: 0274 3868 888

- Mã số thuế: 3500889960

- Số tài khoản: 1007289988 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB), Chi nhánh Bình Dương.

Sau khi thảo luận, hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với các điều khoản, cụ thể như sau:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

- Bên A đồng ý chọn và Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh sau quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh tại các kho và cửa hàng xăng dầu của Bên A (theo phụ lục đính kèm).

- Hai bên tổ chức lập và ký chứng từ CTNH sau khi bên A chuyển giao cho bên B và bên B vận chuyển, xử lý CTNH theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 2: ĐỊA ĐIỂM THU GOM VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

- Địa điểm vệ sinh, thu gom, bốc dỡ chất thải nguy hại và giao nhận chất thải nguy hại theo Phụ lục đính kèm.

- Địa điểm xử lý và tiêu hủy: **NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI SAO VIỆT** tại Lô số 7, Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, Xã Tóc Tiên, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

- Trong thời gian chờ chuyển giao CTNH, Bên A có trách nhiệm quản lý CTNH theo quy định pháp luật như tập trung chất thải tại khu vực chứa chất thải nguy hại, có mái che, phân loại, dán nhãn và có biện pháp ứng phó an toàn sự cố khẩn cấp.

- Cung cấp lịch trình, chuẩn bị giấy tờ và hướng dẫn Bên B thu gom sao cho có hiệu quả nhất, sao cho tổng thời gian thu gom không quá 15 (mười lăm) ngày.

- Bên A kê khai và sử dụng chứng từ CTNH theo quy định pháp luật và gửi cho nhân viên thu gom Bên B sau mỗi lần chuyển giao CTNH.

- Bên A cam kết thanh toán giá trị thuê vận chuyển, thu gom và xử lý CTNH cho Bên B đúng hạn như đã nêu tại Điều 5 của hợp đồng này.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B

- Bên B cung cấp phương tiện, nhân lực để thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Bên B tuân thủ các quy định của Bên A và chịu sự hướng dẫn của Bên A khi vào làm việc tại bên A.

- Chứng từ CTNH và hồ sơ vận, xử lý chuyển CTNH báo cáo cơ quan nhà Nước theo đúng quy định hiện hành và bàn giao đầy đủ chứng từ cho bên A.

- Không được bàn giao hay chuyển nhượng bán trao tay CTNH của bên A cho bất kỳ tổ chức hay cá nhân nào. Nếu để xảy ra sự việc xử lý như sau:

+ Trường hợp bên A phát hiện, bên A có quyền đơn phương hủy bỏ hợp đồng và thông báo cho cơ quan quản lý chuyên ngành của Nhà nước xử lý.

+ Trường hợp bị cơ quan chức năng Nhà nước phát hiện bắt giữ, bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình.

- Bên B chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự cố môi trường xảy ra có liên quan đến chất thải đã bàn giao và ra khỏi cổng bên A.

- Ký xác nhận và hoàn trả chứng từ CTNH sau khi bên B hoàn thành xử lý an toàn chất thải nguy hại cho bên A.

ĐIỀU 5: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG – THANH TOÁN

- Số lượng được xác định tại đơn vị Bên A hoặc kho bên B. Đại diện mỗi bên có đủ thẩm quyền ký xác nhận số lượng thực tế trên Biên bản giao nhận đã được hai bên thống nhất theo Mẫu.

| Stt | Tên chất thải | Khu vực địa điểm thu gom | Số lượng đơn vị | Đơn giá | Thành tiền |
|------------------|---|--------------------------|-----------------|-----------|--------------------|
| 1 | Chất thải nguy hại các loại phát sinh tại kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu | Cần Thơ | 10 | 4,800,000 | 48,000,000 |
| 3 | | Hậu Giang | 02 | 5,500,000 | 11,000,000 |
| 4 | | Sóc Trăng | 09 | 5,900,000 | 53,100,000 |
| 5 | | Bạc Liêu | 02 | 6,400,000 | 12,800,000 |
| 6 | | Cà Mau | 02 | 6,600,000 | 13,200,000 |
| 7 | | Vĩnh Long | 12 | 4,400,000 | 52,800,000 |
| 8 | | Bến Tre | 02 | 4,400,000 | 8,800,000 |
| 9 | | Tiền Giang | 01 | 4,400,000 | 4,400,000 |
| 10 | | Trà Vinh | 12 | 4,900,000 | 58,800,000 |
| 11 | | Đồng Tháp | 05 | 5,500,000 | 27,500,000 |
| 12 | | An Giang | 17 | 5,900,000 | 100,300,000 |
| Tổng cộng | | | 74 | | 390,700,000 |

Tổng giá trị của Hợp đồng là **390,700,000 đồng** (bằng chữ: Ba trăm chín mươi triệu, bảy trăm ngàn đồng chẵn)

- Giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển, thu gom và xử lý chất thải nguy hại, chưa bao gồm thuế VAT.

Ghi chú:

✓ Đây là đơn giá thu gom của 01 năm, tần suất thu gom CTNH 01 đợt/năm. Trong trường hợp bên A có nhu cầu thu gom phát sinh trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, hai bên sẽ ký phụ lục hợp đồng bổ sung, trong đó, đơn giá thu gom giữ nguyên theo hợp đồng ký kết.

✓ Khối lượng tối đa thu gom cho 74 địa điểm trên là 2.500kg cho mỗi đợt thu gom. Nếu khối lượng thu gom vượt định mức trên sẽ được tính 20.000đ trên mỗi kg khối lượng vượt.

✓ Thuế VAT áp dụng theo văn bản hiện hành của Nhà nước tại thời điểm thanh quyết toán.

Thanh toán: sau khi Bên B thực hiện xong việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, Bên B cung cấp đầy đủ chứng từ theo quy định tại Điều 4, khi đó hai bên tiến hành quyết toán giá trị khối lượng công việc thực hiện. Bên A thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 15 ngày sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán từ bên B.

Hồ sơ thanh toán:

- + Giấy đề nghị thanh toán (bản gốc);
- + Biên bản bàn giao CTNH.
- + Bảng xác định giá trị khối lượng công việc;
- + Hóa đơn thuế giá trị gia tăng (thuế VAT).

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/12/2024. Sau thời hạn trên, hợp đồng sẽ được tự động thanh lý sau khi hai bên hoàn thành nghĩa vụ của mình. Trong trường hợp hai bên vẫn tiếp tục hợp tác, hợp đồng sẽ được tiếp tục gia hạn hoặc ký kết hợp đồng mới.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện gặp khó khăn trở ngại, hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết, không bên nào tự ý thay đổi. Trường hợp hai bên không tự giải quyết được sẽ đưa ra Tòa án Thành phố Cần Thơ giải quyết theo luật quy định. Quyết định của Tòa án Thành phố Cần Thơ là quyết định cuối cùng buộc hai bên phải thực hiện. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp bên thua kiện phải chịu 100%.

- Mọi điều khoản có liên quan không được quy định cụ thể tại hợp đồng sẽ được hai bên thực hiện theo qui định của Luật pháp Việt Nam.

- Hợp đồng này có thể được sửa đổi, bổ sung khi có sự thỏa thuận giữa hai bên và được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng là một bộ phận không tách rời hợp đồng chính và có hiệu lực như hợp đồng chính. Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản trong hợp đồng chính thì được coi điều khoản đó trong hợp đồng chính đã được sửa đổi.

- Hợp đồng này có 04 trang, 07 Điều, 01 phụ lục đính kèm, được lập thành bốn (04) bộ, Bên A giữ ba (03) bộ, bên B giữ hai (01) bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



Đào Đình Thiêm

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH



Đỗ Huy Dương

PHỤ LỤC
DANH SÁCH CÁC KHO VÀ CỬA HÀNG XĂNG DẦU THU GOM,
VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

(Đính kèm Hợp đồng số: 68/DKMK.KHĐTAT-SV ký ngày 21/9/2023 giữa Công ty CP Dầu khí Mê Kông và Công ty CP Môi trường Sao Việt)

| Stt | Địa điểm thu gom chất thải nguy hại |
|--------------------------|--|
| Khu vực Cần Thơ | |
| 1. | Xí Nghiệp tổng kho xăng dầu Mê Kông - KCN Hưng Phú, P.Phú Thới, Q.Cái Răng, Tp.Cần Thơ |
| 2. | Cửa hàng xăng dầu số 02 – số 60-62 đường 3/2, P.Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ |
| 3. | Cửa hàng xăng dầu số 04 - Khu Vực Rạch Chùa 2, Phường Châu Văn Liêm, Quận Ô Môn, Tp.Cần Thơ. |
| 4. | Cửa hàng xăng dầu số 05 - Số 561, KV Lân Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Thốt Nốt, TP.Cần thơ. |
| 5. | Cửa hàng xăng dầu số 06 - ấp Đông Lợi, xã Đông Bình, huyện Thới Lai, Tp.Cần Thơ |
| 6. | Cửa hàng xăng dầu số 80 - Đường Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, Tp.Cần Thơ. |
| 7. | Cửa hàng xăng dầu số 81 - Lô 3A, đường Quang Trung, KDC Hưng Phú, phường Phú Thới, quận Cái Răng, Tp.Cần Thơ. |
| 8. | Cửa hàng xăng dầu số 82 - Số 95, ấp Thới Bình A3, xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, Tp.Cần Thơ. |
| 9. | Cửa hàng xăng dầu số 83 - Số 172B đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ |
| 10. | Cửa hàng xăng dầu số 85 - Số 99 đường Trương Văn Diễn, khu vực Thới Ngươn 3, phường Phước Thới, quận Ô Môn, Tp.Cần Thơ. |
| Khu vực Hậu Giang | |
| 1. | Cửa hàng xăng dầu số 08 - Quốc Lộ 1A, Thị Trấn Cái Tắc, Huyện Châu Thành A, Hậu Giang. |
| 2. | Cửa hàng xăng dầu số 09 - Đường Trần Hưng Đạo, KV4, Phường 7, TX Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang |
| Khu vực Sóc Trăng | |
| 1. | Kho xăng dầu Tân Thạnh - số 838/9 khóm 7, phường 8, TP.Sóc Trăng |
| 2. | Cửa hàng xăng dầu số 11 - ấp Phương Bình 1, xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng |
| 3. | Cửa hàng xăng dầu số 12 - Ấp An Bình, Xã An Lạc Thôn, H Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng. |
| 4. | Cửa hàng xăng dầu số 14 - Ấp Trương Hiền, Xã Thạnh Trị, Huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. |
| 5. | Cửa hàng xăng dầu số 15 - Thị trấn Thạnh Trị, H.Thạnh Trị, tỉnh Sóc trắng. |
| 6. | Cửa hàng xăng dầu số 16 - Ấp 2, Thị trấn Long Phú, Huyện Long Phú, Tỉnh Sóc Trăng |

| | |
|--------------------------|--|
| 7. | Cửa hàng xăng dầu số 19 - Số 292 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, Tp.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng |
| 8. | Cửa hàng xăng dầu số 20 - Số 118, quốc lộ 1A, phường 7, Tp.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. |
| 9. | Cửa hàng xăng dầu số 21 - ấp Mỹ Khánh A, xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng |
| Khu vực Bạc Liêu | |
| 1 | Kho xăng dầu Bạc Liêu và Cửa hàng xăng dầu số 17 - Số 465, đường 23/8, Phường 8, Bạc Liêu |
| 2 | Cửa hàng xăng dầu số 18 - Số 34 đường Cao Văn Lầu, phường 2, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu |
| Khu vực Cà Mau | |
| 1 | Cửa hàng xăng dầu số 22 - QL1A, ấp Bà Điều, xã Lý Văn Lâm, TP.Cà Mau |
| 2 | Cửa hàng xăng dầu số 69 - ấp 2, xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, Tp.Cà Mau |
| Khu vực Vĩnh Long | |
| 1. | Kho xăng dầu Cổ Chiên và Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Long - Ấp Thanh Mỹ 1, Xã Thanh Đức, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long |
| 2. | Cửa hàng xăng dầu số 25 - 15A Phạm Hùng, P9, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long |
| 3. | Cửa hàng xăng dầu Số 26 - Số 108A/5 QL 1A, tổ 14, ấp Long Hòa, xã Lộc Hòa, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long |
| 4. | Cửa hàng xăng dầu số 27 - Ấp Mỹ Long, Xã Chánh An, Mang Thít, Vĩnh Long |
| 5. | Cửa hàng xăng dầu số 28 - Ấp Hưng Quới, Xã Thanh Đức, Long Hồ, Vĩnh Long |
| 6. | Cửa hàng xăng dầu số 29 - Ấp Đại Thọ, Xã Loan Mỹ, Huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long |
| 7. | Cửa hàng xăng dầu số 30 - Ấp Vĩnh Hòa, Xã Hựu Thành, Huyện Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh Long |
| 8. | Cửa hàng xăng dầu số 31 - Ấp Phú Hòa, Xã Song Phú, H Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long |
| 9. | Cửa hàng xăng dầu số 34 - Ấp Quang Thạnh, Xã Hiếu Phụng, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long |
| 10. | Cửa hàng xăng dầu số 35 - Ấp Phú Hữu Đông, Xã Phú Thịnh, Huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long |
| 11. | Cửa hàng xăng dầu số 36 - Ấp An Hiệp, Xã Long An, H. Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long |
| 12. | Cửa hàng xăng dầu số 37 - 219A tổ 4, Ấp Tân Quới Đông, Xã Trường An, TP Vĩnh Long |
| Khu vực Bến Tre | |
| 1 | Kho xăng dầu Ba Tri - Ấp An Thuận, Xã An Thủy, Huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre |
| 2 | Cửa hàng xăng dầu số 38 - Ấp Phú Nhơn, TT. Châu Thành, huyện Châu Thành, Bến Tre |

| Khu vực Tiền Giang | |
|---------------------------|---|
| 1 | Cửa hàng xăng dầu số 50 - ấp Chợ, xã Thái An Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. |
| Khu vực Trà Vinh | |
| 1. | Kho xăng dầu Long Đức - Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, Tp.Trà Vinh |
| 2. | Cửa hàng xăng dầu số 40 - đường D5, khóm 3, phường 5, Tp.Trà Vinh |
| 3. | Cửa hàng xăng dầu số 41 - Ấp Giồng Dầu, Xã Hòa Ân, Huyện Cầu Kè, Trà Vinh |
| 4. | Cửa hàng xăng dầu số 42 - Khóm 5, Thị trấn Cầu Kè, Huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh |
| 5. | Cửa hàng xăng dầu số 43 - Ấp Trà Mệt, Xã Thông Hòa, Huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh |
| 6. | Cửa hàng xăng dầu số 44 - ấp Đa Hòa Nam, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. |
| 7. | Cửa hàng xăng dầu số 45 - ấp Bến Đáy B, xã Mỹ Long Bắc, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh |
| 8. | Cửa hàng xăng dầu số 46 – khóm 1, phường 2, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh |
| 9. | Cửa hàng xăng dầu số 70 - Nguyễn Tấn Liêng, Vĩnh Hưng, Long Đức, Trà Vinh |
| 10. | Cửa hàng xăng dầu số 71 - ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, Tp.Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh |
| 11. | Cửa hàng xăng dầu số 72 - Tỉnh lộ 912, ấp Mỹ Cẩm B, xã Mỹ Hòa, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh |
| 12. | Cửa hàng xăng dầu số 73 - khóm 5, TX Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh |
| Khu vực Đồng Tháp | |
| 1. | Cửa hàng xăng dầu số 47 – số 365B, ấp 1, xã An Phong, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp |
| 2. | Cửa hàng xăng dầu số 48 – xã Tân Thành B, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp |
| 3. | Cửa hàng xăng dầu số 90 - Tỉnh lộ 844, ấp Phú Thọ C, xã Phú Thọ, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp |
| 4. | Cửa hàng xăng dầu số 91 - Tỉnh lộ 842, ấp Hoàng Việt, xã Tân Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp |
| 5. | Cửa hàng xăng dầu số 92 - Đường tỉnh 843, ấp Rọc Muông, xã Tân Công Chí, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. |
| Khu vực An Giang | |
| 1. | Kho xăng dầu An Giang – Khóm Đông Thạnh B, P.Mỹ Thạnh, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang |
| 2. | Cửa hàng xăng dầu số 51 - Đường nhánh QL91, khóm Hòa Bình, phường Vĩnh Mỹ, Tp.Châu Đốc, tỉnh An Giang |
| 3. | Cửa hàng xăng dầu số 54 - ấp Trung Bắc Hưng, xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang |
| 4. | Cửa hàng xăng dầu số 55 – tỉnh lộ 942, ấp Hòa Thượng, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang |

| | |
|-----|---|
| 5. | Cửa hàng xăng dầu số 56 - ấp Phú An, TT.Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. |
| 6. | Cửa hàng xăng dầu số 57 – 370/7A khóm Tây Khánh 4, p.Mỹ Hòa, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang |
| 7. | Cửa hàng xăng dầu số 58 – QL91, p.Vĩnh Mỹ, Tp.Châu Đốc, tỉnh An Giang |
| 8. | Cửa hàng xăng dầu số 59 – 151A, Tl 943, ấp Sơn Đông, xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang |
| 9. | Cửa hàng xăng dầu số 60 – khóm An Hòa A, TT.Ba Trúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang |
| 10. | Kho Lam Sơn và cửa hàng xăng dầu số 61 - TL 941, khóm 1, TT.Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. |
| 11. | Cửa hàng xăng dầu số 62 - ấp Giồng Cát, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang |
| 12. | Cửa hàng xăng dầu số 63 - ấp Vĩnh Hòa, xã Lạc Quới, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. |
| 13. | Cửa hàng xăng dầu số 64 - ấp Tô Lợi, xã Cô Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang |
| 14. | Cửa hàng xăng dầu số 65 - ấp Ninh Hòa, xã An Tức, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang |
| 15. | Cửa hàng xăng dầu số 66 - 222 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang |
| 16. | Cửa hàng xăng dầu số 67 – Ấp Ninh Thạnh, xã An Tức, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang. |
| 17. | Cửa hàng xăng dầu số 68 – khóm Long Hưng 2, P.Long Sơn, TX.Tân Châu, An Giang. |





TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0006421.22
MSM: PNE.22.1947.SX01

Tên mẫu : Không khí môi trường lao động
Tên khách hàng : CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 55
Địa chỉ : Tỉnh lộ 942, ấp Hòa Thượng, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 08/06/2023
Ngày trả kết quả : 15/06/2023

| TT | Thông số | Đơn vị | Phương pháp thử | Kết quả | QCVN 03:2019/BYT |
|----|-----------------|-------------------|------------------|---------|-------------------------------|
| | | | | SX01 | Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL) |
| 1 | Bụi | mg/m ³ | TCVN 5067:1995 | 0,58 | 8 ^a |
| 2 | Tiếng ồn | dBA | TCVN 7878-2:2018 | 61,4 | 85 ^b |
| 3 | SO ₂ | mg/m ³ | TCVN 5971:1995 | < 0,044 | 10 |
| 4 | NO ₂ | mg/m ³ | TCVN 6137:2009 | 0,05 | 10 |
| 5 | CO | mg/m ³ | HD12-KK-CO | < 4,5 | 40 |

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- SX01: Không khí tại khu vực bồn chứa;
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- ^(a)QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- ^(b)QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Lại Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0006422.22
MSM: PNE.22.1947.NT01

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 55
Địa chỉ : Tỉnh lộ 942, ấp Hòa Thượng, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 08/06/2023
Ngày trả kết quả : 15/06/2023

| TT | Thông số | Đơn vị | Phương pháp thử | Kết quả | QCVN 29:2010/ BTNMT |
|----|--|--------|--------------------|---------|---|
| | | | | NT01 | Cột B, Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe |
| 1 | pH ^(#) | - | TCVN 6492:2011 | 7,15 | 5,5 ÷ 9 |
| 2 | COD ^(#) | mg/L | SMEWW 5220C:2017 | 57 | 150 |
| 3 | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#) | mg/L | TCVN 6625:2000 | 31 | 120 |
| 4 | Tổng dầu mỡ khoáng ^(#) | mg/L | SMEWW 5520B&F:2017 | 4,5 | 30 |

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải đầu ra bể tách dầu, nhớt;
- QCVN 29:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu;
- (#): Thông số được chứng nhận Vilas;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Lại Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0009554.22
MSM: PNE.22.3054.SX01

Tên mẫu : Không khí môi trường lao động
Tên khách hàng : CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 55
Địa điểm lấy mẫu : Tỉnh lộ 942, ấp Hòa Thượng, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 03/11/2023
Ngày trả kết quả : 10/11/2023

| TT | Thông số | Đơn vị | Phương pháp thử | Kết quả | QCVN 03:2019/BYT |
|----|-----------------|-------------------|------------------|---------|-------------------------------|
| | | | | SX01 | Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL) |
| 1 | Bụi | mg/m ³ | TCVN 5067:1995 | 0,67 | 8 ^a |
| 2 | Tiếng ồn | dBA | TCVN 7878-2:2018 | 64,7 | 85 ^b |
| 3 | SO ₂ | mg/m ³ | TCVN 5971:1995 | 0,07 | 10 |
| 4 | NO ₂ | mg/m ³ | TCVN 6137:2009 | 0,09 | 10 |
| 5 | CO | mg/m ³ | HD12-KK-CO | < 4,5 | 40 |

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- SX01: Không khí tại khu vực bồn chứa;
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- ^(a)QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- ^(b)QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Lại Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0009555.22
MSM: PNE.22.3054.NT01

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 55
Địa điểm lấy mẫu : Tỉnh lộ 942, ấp Hòa Thượng, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 03/11/2023
Ngày trả kết quả : 10/11/2023

| TT | Thông số | Đơn vị | Phương pháp thử | Kết quả | QCVN 29:2010/ BTNMT |
|----|--|--------|--------------------|---------|---|
| | | | | NT01 | Cột B, Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe |
| 1 | pH ^(#) | - | TCVN 6492:2011 | 7,69 | 5,5 ÷ 9 |
| 2 | COD ^(#) | mg/L | SMEWW 5220C:2017 | 68 | 150 |
| 3 | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#) | mg/L | TCVN 6625:2000 | 35 | 120 |
| 4 | Tổng dầu mỡ khoáng ^(#) | mg/L | SMEWW 5520B&F:2017 | 5,8 | 30 |

Ghi chú:

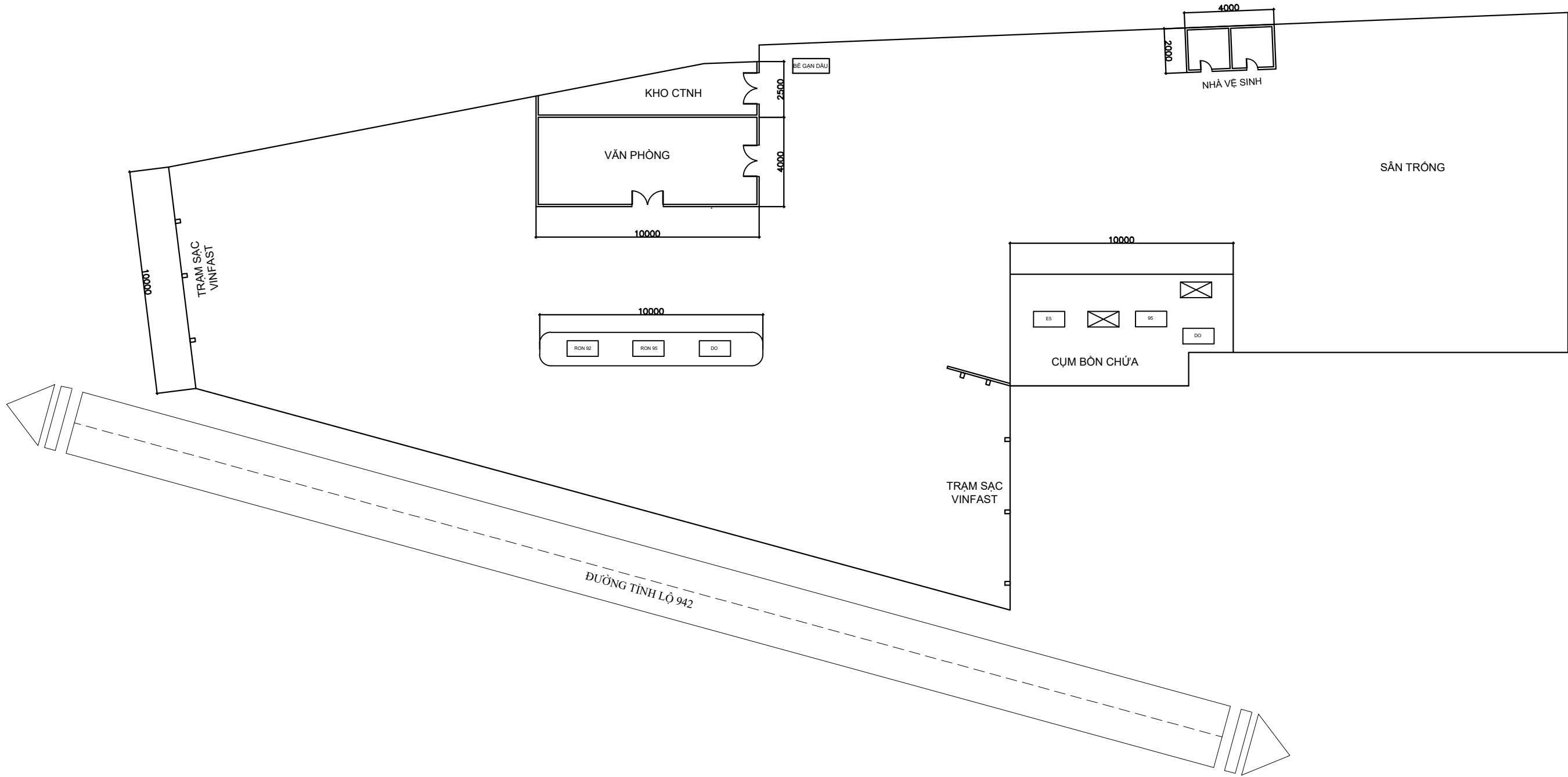
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải đầu ra bể tách dầu, nhớt;
- QCVN 29:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu;
- (#): Thông số được chứng nhận Vilas;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Lại Minh Tiến

MẶT BẰNG TỔNG THỂ
CỬA HÀNG BÁN LẺ XĂNG DẦU SỐ 55



CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU
KHÍ MỀ KÔNG TẠI AN GIANG

TÊN DỰ ÁN: CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 55
ĐỊA ĐIỂM: TL 942, ẤP HÒA THƯỢNG, X. KIẾN AN, H. CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

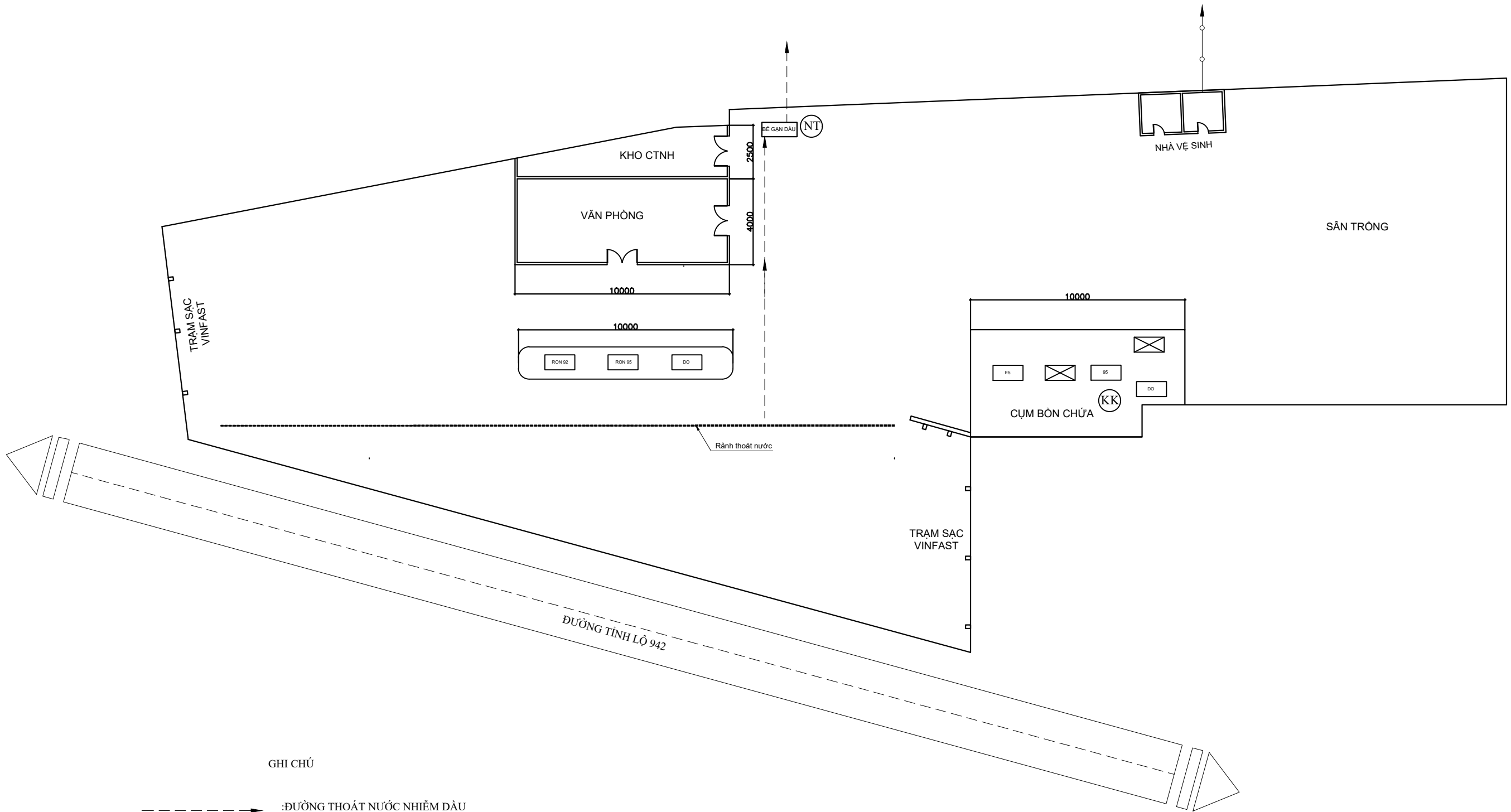
CHI NHÁNH AN GIANG
GIÁM ĐỐC

Phạm Hoàng Thơ





TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG TỔNG THỂ

| HOÀN CÔNG | TỶ LỆ | ĐC LẦN THỨ |
|-----------|----------|------------|
| 2023 | 1/200 A3 | 01 |

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC VÀ VỊ TRÍ THU MẪU QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
CỬA HÀNG BÁN LẺ XĂNG DẦU SỐ 55



GHI CHÚ

-  : ĐƯỜNG THOÁT NƯỚC NHIỄM DẦU
-  : ĐƯỜNG THOÁT NƯỚC THẢI HẠM TỰ HOẠI
-  : VỊ TRÍ THU MẪU NƯỚC THẢI
-  : VỊ TRÍ THU MẪU KHÔNG KHÍ

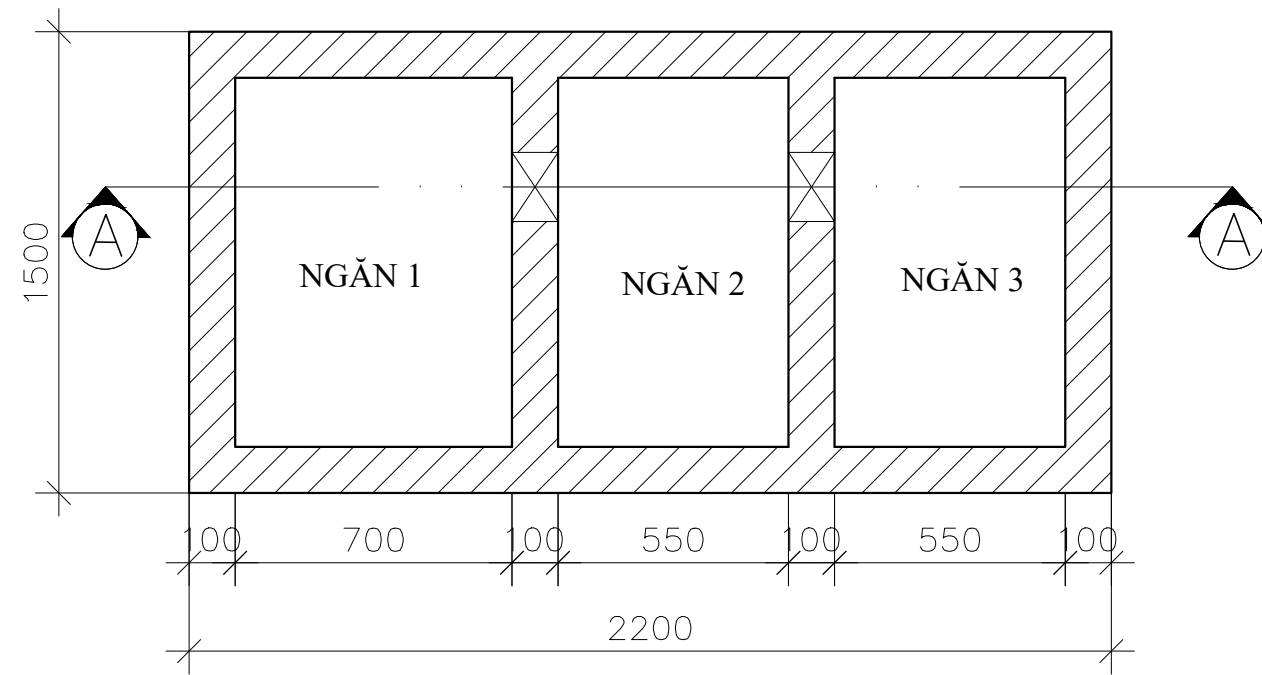
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU
KHÍ MỀ KÔNG TẠI AN GIANG

TÊN DỰ ÁN: CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 55
ĐỊA ĐIỂM: TL 942, ẤP HÒA THƯỢNG, X. KIẾN AN, H. CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

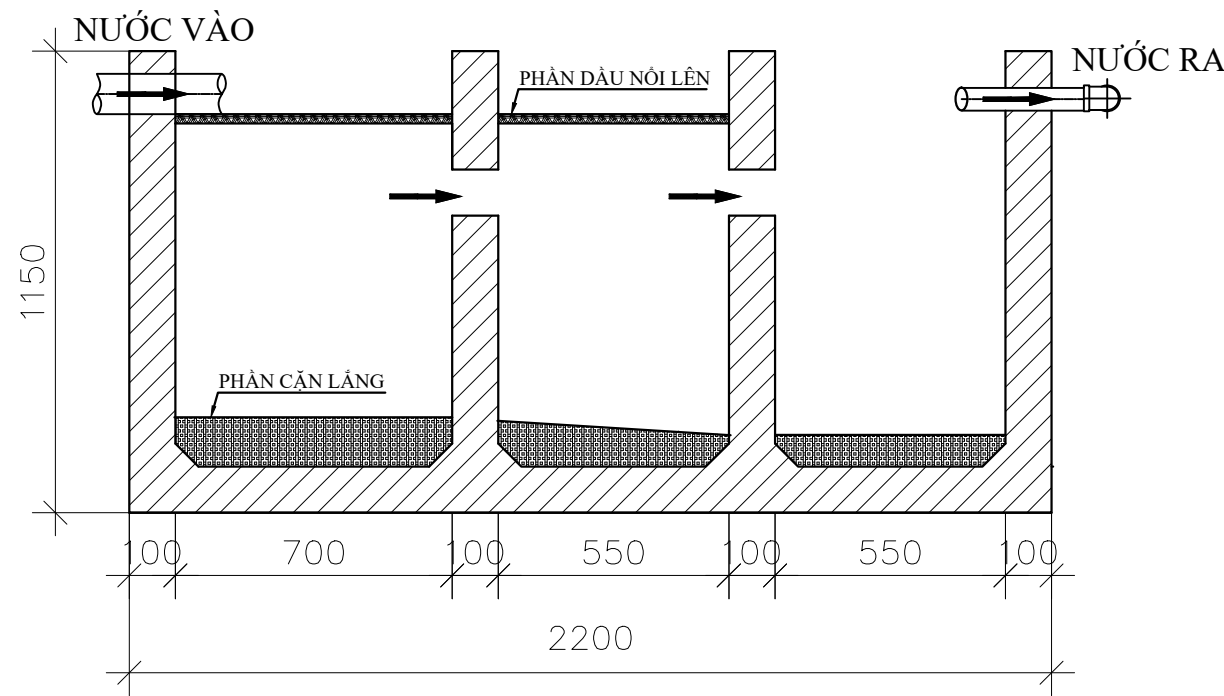
CHI NHÁNH AN GIANG
CÔNG TY CỔ PHẦN
DẦU KHÍ MỀ KÔNG
TẠI AN GIANG
Phạm Hoàng Thơ

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC VÀ VỊ TRÍ
THU MẪU QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

| HOÀN CÔNG | TỶ LỆ | ĐC LẦN THỨ |
|-----------|----------|------------|
| 2023 | 1/150 A3 | 01 |



MẶT BẰNG TỔNG THỂ



MẶT CẮT A-A

TÊN DỰ ÁN: CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 55

CÔNG TY ĐẦU TƯ:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MÊ KÔNG TẠI AN GIANG



ĐƠN VỊ TƯ VẤN:



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TÂN TIẾN

Địa chỉ: Số 17B, đường số 2, KDC Hồng Phát, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, TP Cần Thơ
 TEL: 02923.899.018 - 0907.138.400
 Gmail: lechilinhbht@yahoo.com

GIÁM ĐỐC



KIỂM TRA

PHẠM TUẤN ĐẠT

VẼ

QUẢNG PHƯƠNG HOÀI AN

TÊN BẢN VẼ:

BẢN VẼ BỂ GẠM DẦU

HOÀN CÔNG:

2023

TỶ LỆ

1/70

KHỔ A3

LOẠI HỒ SƠ

THIẾT KẾ KỸ THUẬT

HIỆU CHỈNH

THIẾT KẾ THI CÔNG

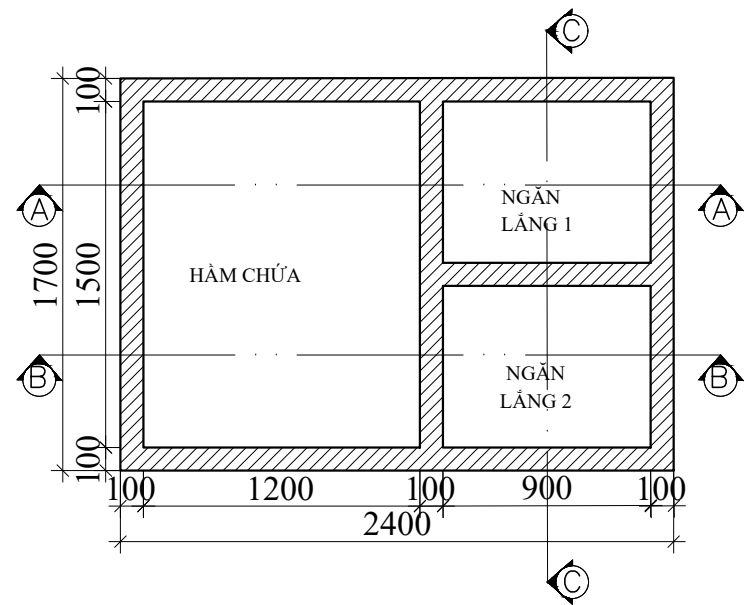
HOÀN CÔNG

SỐ LẦN HIỆU CHỈNH

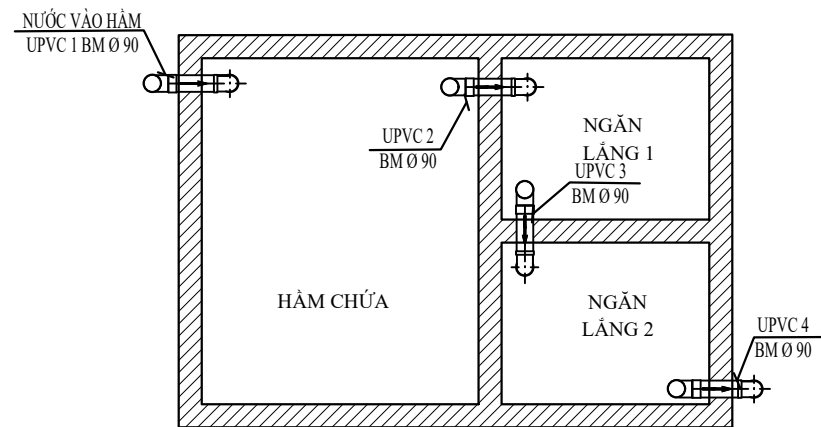
NGÀY HIỆU CHỈNH

A

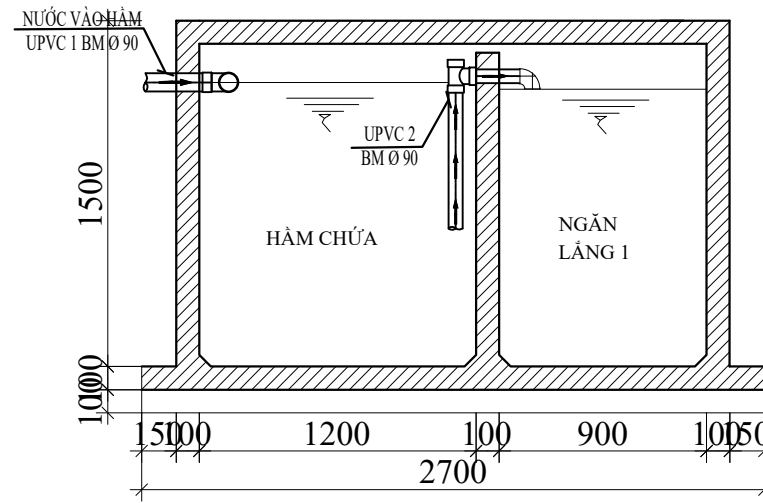
B



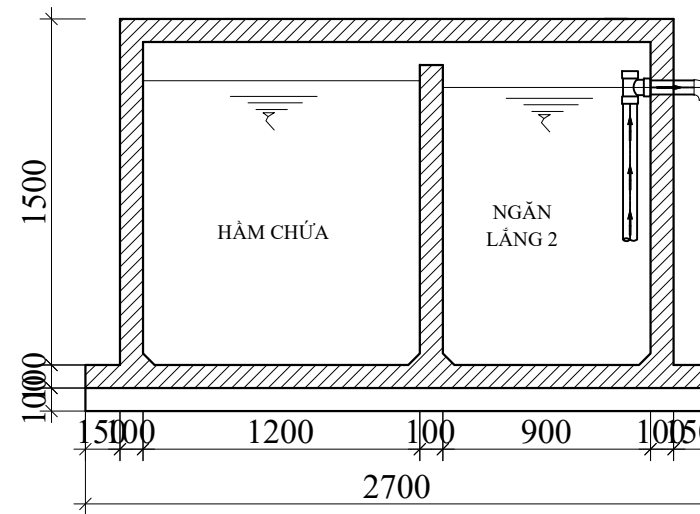
MẶT BẰNG TỔNG THỂ



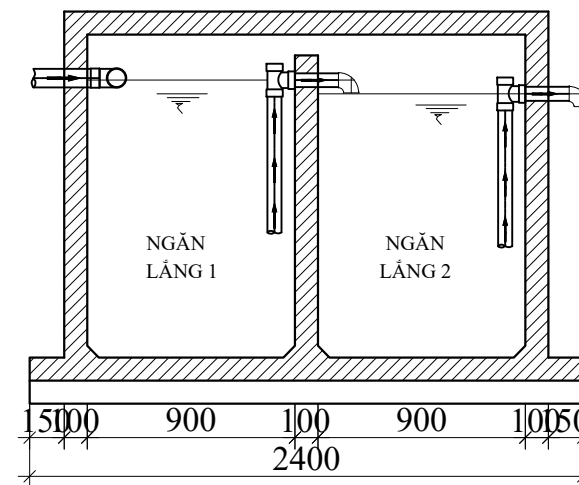
MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG CHỜ



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



MẶT CẮT C-C

TÊN DỰ ÁN: CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 55

CÔNG TY ĐẦU TƯ:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MÊ KÔNG TẠI AN GIANG



ĐƠN VỊ TƯ VẤN:



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TÂN TIẾN

Địa chỉ: Số 17B, đường số 2, KDC Hồng Phát, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
 TEL: 02923.899.018 - 0909.138.400
 Gmail: lechilinhbht@yahoo.com

GIÁM ĐỐC



KIỂM TRA

PHẠM TUẤN ĐẠT

VẼ

QUẢNG PHƯƠNG HOÀI AN

TÊN BẢN VẼ:

BẢN VẼ HÀM TỰ HOẠI 3 NGĂN

HOÀN CÔNG:

2023

TỶ LỆ

1/70

KHỔ A3

LOẠI HỒ SƠ

THIẾT KẾ KỸ THUẬT

HIỆU CHỈNH

THIẾT KẾ THI CÔNG

HOÀN CÔNG

SỐ LẦN HIỆU CHỈNH

NGÀY HIỆU CHỈNH

A

B